

MAI MỸ HẠNH

TÀI LIỆU TẬP HUẤN,
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
môn

ĐẠO ĐỨC

BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

LỚP

4



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MAI MỸ HẠNH

TÀI LIỆU TẬP HUẤN,
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
môn

ĐẠO ĐỨC

BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

LỚP 4

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Mục lục

Phần thứ nhất: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	3
I. Khái quát về chương trình Đạo đức 4	3
1. Định hướng chung về Chương trình Giáo dục phổ thông 2018	3
2. Định hướng Chương trình môn Đạo đức	3
3. Mục tiêu môn Đạo đức	4
II. Giới thiệu chung về sách giáo khoa Đạo đức 4	6
1. Cấu trúc sách giáo khoa Đạo đức 4	6
2. Nội dung sách giáo khoa Đạo đức 4	8
III. Phương pháp dạy học, tổ chức các hoạt động	23
1. Phương pháp dạy học	23
2. Tiến trình tổ chức các hoạt động	30
IV. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập	44
1. Định hướng về kiểm tra, đánh giá môn Đạo đức	44
2. Sử dụng hình thức kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh đối với môn Đạo đức	45
V. Giới thiệu tài liệu bổ trợ, nguồn tài nguyên, học liệu điện tử, thiết bị giáo dục	46
1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý trong việc sử dụng tài nguyên sách và học liệu điện tử	46
2. Giới thiệu về hệ thống sách điện tử (<i>hanhtrangso.nxbgd.vn</i>)	48
VI. Khai thác thiết bị và học liệu trong dạy học	50
Phần thứ hai: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY	52
I. Quy trình thiết kế kế hoạch bài dạy	52
II. Bài soạn minh họa	54

Phần thứ nhất

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐẠO ĐỨC 4

1. Định hướng chung về Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 thực hiện mục tiêu giáo dục, hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh (HS) thông qua các nội dung giáo dục ngôn ngữ và văn học, giáo dục toán học, giáo dục khoa học xã hội, giáo dục khoa học tự nhiên, giáo dục công nghệ, giáo dục tin học, giáo dục công dân, giáo dục quốc phòng và an ninh, giáo dục nghệ thuật, giáo dục thể chất, giáo dục hướng nghiệp. Mỗi nội dung giáo dục đều được thực hiện ở tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có một số môn học và hoạt động giáo dục đảm nhiệm vai trò cốt lõi. Căn cứ vào mục tiêu giáo dục và yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực ở từng giai đoạn giáo dục và từng cấp học, chương trình mỗi môn học và hoạt động giáo dục xác định mục tiêu, các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và nội dung giáo dục của môn học, hoạt động giáo dục đó. Giai đoạn giáo dục cơ bản thực hiện phương châm giáo dục toàn diện và tích hợp, bảo đảm trang bị cho HS tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau Trung học cơ sở; giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp thực hiện phương châm giáo dục phân hoá, bảo đảm HS được tiếp cận nghề nghiệp, chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng. Cả hai giai đoạn giáo dục cơ bản và giáo dục định hướng nghề nghiệp đều có các môn học tự chọn; giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp có thêm các môn học và chuyên đề học tập được lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp, nhằm đáp ứng nguyện vọng, phát triển tiềm năng, sở trường của mỗi HS.

2. Định hướng Chương trình môn Đạo đức

Môn Giáo dục công dân giữ vai trò chủ đạo trong việc giáo dục cho HS ý thức và hành vi của người công dân. Thông qua các bài học về lối sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế, môn Giáo dục công dân bồi dưỡng cho HS những phẩm chất chủ yếu và năng lực cần thiết của người công dân, đặc biệt là tình cảm, nhận thức, niềm tin và cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật, có kĩ năng sống và bản lĩnh vững vàng để tiếp tục phát triển và sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam và hội nhập quốc tế.

Ở giai đoạn giáo dục cơ bản, môn Đạo đức ở Tiểu học là môn học bắt buộc. Nội dung chủ yếu của môn học này là giáo dục đạo đức, pháp luật, giá trị sống, kĩ năng sống. Các mạch nội dung này định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng, nhằm hình thành cho HS thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập, sinh hoạt và ý thức tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.

3. Mục tiêu môn Đạo đức

3.1. Mục tiêu chung

Bước đầu hình thành, phát triển ở HS những hiểu biết ban đầu về chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật và sự cần thiết thực hiện theo các chuẩn mực đó trong quan hệ với bản thân và người khác, với công việc, cộng đồng, đất nước, nhân loại và môi trường tự nhiên; thái độ tự trọng, tự tin; những tình cảm và hành vi tích cực: yêu gia đình, quê hương, đất nước; yêu thương, tôn trọng con người; đồng tình với cái thiện, cái đúng, cái tốt, không đồng tình với cái ác, cái sai, cái xấu; chăm học, chăm làm; trung thực; có trách nhiệm với thái độ, hành vi của bản thân.

Giúp HS bước đầu nhận biết và điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi của bản thân; biết quan sát, tìm hiểu về gia đình, quê hương, đất nước và về các hành vi ứng xử; biết lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch cá nhân, hình thành thói quen, nền nếp cơ bản, cần thiết trong học tập, sinh hoạt.

3.2. Yêu cầu cần đạt của môn Đạo đức lớp 4

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<i>Biết ơn người lao động</i>	– Nêu được đóng góp của một số người lao động ở xung quanh. – Biết vì sao phải biết ơn người lao động. – Thể hiện được lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. – Nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi biết ơn những người lao động.
<i>Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn</i>	– Nêu được một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn. – Biết vì sao phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn. – Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. – Sẵn sàng giúp đỡ người gặp khó khăn phù hợp với khả năng của bản thân.

<i>Yêu lao động</i>	– Nêu được một số biểu hiện của yêu lao động. – Biết vì sao phải yêu lao động. – Không đồng tình với những biểu hiện lười lao động. – Quý trọng người yêu lao động. – Tích cực, tự giác tham gia hoạt động lao động phù hợp với khả năng của bản thân.
<i>Tôn trọng tài sản của người khác</i>	– Nêu được một số biểu hiện tôn trọng tài sản của người khác. – Biết vì sao phải tôn trọng tài sản của người khác. – Thể hiện thái độ tôn trọng tài sản của người khác bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp. – Nhắc nhở bạn bè, người thân tôn trọng tài sản của người khác.
<i>Bảo vệ của công</i>	– Nêu được một số biểu hiện của bảo vệ của công. – Biết vì sao phải bảo vệ của công. – Có những việc làm cụ thể để bảo vệ của công. – Nhắc nhở mọi người giữ gìn, bảo vệ của công.
<i>Thiết lập và duy trì quan hệ bạn bè</i>	– Biết vì sao phải thiết lập và duy trì quan hệ bạn bè. – Nhận biết được cách đơn giản để thiết lập, duy trì quan hệ bạn bè. – Có quan hệ tốt với bạn bè ở trường học và làng xóm, khối phố.
<i>Quý trọng đồng tiền</i>	– Nêu được vai trò của tiền. – Biết vì sao phải quý trọng đồng tiền. – Biết bảo quản và tiết kiệm tiền; mua sắm quần áo, đồ dùng, đồ chơi, quà bánh,... đúng mức, phù hợp với hoàn cảnh gia đình. – Nhắc nhở bạn bè chi tiêu tiết kiệm.
<i>Quyền và bổn phận của trẻ em</i>	– Kể được một số quyền và bổn phận cơ bản của trẻ em. – Biết vì sao phải thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em. – Thực hiện được quyền và bổn phận của trẻ em phù hợp với lứa tuổi. – Nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện quyền và bổn phận trẻ em.

II. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA ĐẠO ĐỨC 4

Sách giáo khoa (SGK) *Đạo đức 4* là tài liệu chính thức để dạy học môn Đạo đức cho HS lớp 4.

SGK *Đạo đức 4* bám sát định hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục – đào tạo được thể hiện qua các văn bản chỉ đạo như: *Nghị quyết số 29/NQ-TW* của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khoá XI), *Nghị quyết số 88/2014/QH13* của Quốc hội, *Quyết định số 404/QĐ-TTg* của Chính phủ.

SGK *Đạo đức 4* bám sát mục tiêu chung của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và mục tiêu cụ thể của Chương trình Giáo dục tiểu học 2018: “Giúp HS hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt”.

SGK *Đạo đức 4* tiếp cận quan điểm hiện đại về SGK của các nước phát triển, làm cho SGK trở thành tài liệu “tạo cơ hội giúp HS kiến tạo hiểu biết thông qua việc cung cấp nhiều nguồn kiến thức (...), cung cấp cho HS nhiều hoạt động học tập, phản ánh quan điểm kiến tạo về bản chất tích cực của học tập”; “ưu tiên nhiều hơn cho cách dạy, cách học và phát triển các kĩ năng học tập, kĩ năng sống, kĩ năng làm việc cho HS”; tạo điều kiện cho giáo viên (GV) vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lấy hoạt động học của HS làm trung tâm.

SGK *Đạo đức 4* kế thừa những ưu điểm và kinh nghiệm biên soạn SGK Đạo đức của Chương trình Giáo dục phổ thông 2006 nhằm đảm bảo tính nhất quán, ổn định của toàn hệ thống giáo dục, phù hợp với năng lực sư phạm thực tế của đội ngũ GV hiện nay.

SGK *Đạo đức 4* tuân thủ Thông tư số 33/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời thực hiện theo *Quy định về quy trình xuất bản sách giáo khoa của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam*.

Chính tả sử dụng trong SGK *Đạo đức 4* thực hiện theo *Quy định tạm thời về chính tả trong sách giáo dục của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam*.

Tư liệu, hình ảnh sử dụng trong SGK *Đạo đức 4* thực hiện theo *Nghị định số 22/2018/NĐ-CP* của Chính phủ ngày 23/2/2018 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2019.

1. Cấu trúc sách giáo khoa *Đạo đức 4*

1.1. Cấu trúc sách giáo khoa *Đạo đức 4*

Cấu trúc SGK được định hình dựa trên sự tổng hợp yêu cầu đổi mới của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và Chương trình môn Giáo dục

công dân; phân tích yêu cầu cần đạt của lớp 4, lí thuyết và quan điểm biên soạn đã nêu trên, cùng với khoa học biên soạn SGK. Cụ thể, SGK Đạo đức 4 bao gồm các thành phần chính như sau:

- Trang bìa, bìa lót;
- Hướng dẫn sử dụng sách;
- Giới thiệu nhân vật;
- Mục lục;
- Lời nói đầu;
- Các chủ đề, bài học (12 bài);
- Giải thích thuật ngữ.

Trong cuốn SGK Đạo đức 4, nhóm tác giả xây dựng bốn nhân vật: Bin, Cốm, Na, Tin. Mỗi nhân vật mang một tính cách khác nhau. Tên của các nhân vật không gọi theo cách đặt tên thông thường mà gọi theo biệt danh để tránh các em HS giễu cợt nhau, nếu trong lớp có bạn trùng tên với nhân vật. Các nhân vật này sẽ đồng hành cùng các em học sinh trong SGK Đạo đức tiểu học.

1.2. Cơ sở xây dựng cấu trúc bài học

Các chủ đề trong sách HS được thiết kế trên cơ sở xây dựng cấu trúc hoạt động dựa vào các căn cứ sau:

- Theo *Thông tư số 33* quy định cấu trúc bài học gồm 4 thành phần: Mở đầu, Kiến thức mới, Luyện tập, Vận dụng.
- Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 hướng tới các loại hoạt động học tập: Khám phá, Thực hành, Vận dụng.
- Dựa theo đặc thù của môn Đạo đức, môn học hướng tới các giá trị đạo đức, kĩ năng sống cần khơi dậy cảm xúc đúng đắn, tích cực cho HS.
- Dựa theo lí thuyết dạy học đạo đức và kĩ năng sống, học tập trải nghiệm của Lawrence Kohlberg, Darcia Narvaez, John Dewey, David Kolb,...

Các tác giả xây dựng cấu trúc bài học tương ứng với yêu cầu của *Thông tư 33* như sau:

<i>Thông tư số 33</i>	Cấu trúc nhóm tác giả xây dựng
Mở đầu	Khởi động
Kiến thức mới	Kiến tạo tri thức mới
Luyện tập	Luyện tập
Vận dụng	Vận dụng

Chương trình môn Đạo đức lớp 4 quy định bốn mạch nội dung: Giáo dục đạo đức, Giáo dục kĩ năng sống, Giáo dục kinh tế, Giáo dục pháp luật. Các cụm bài cũng được phân chia một cách tương đối theo bốn mạch nội dung đó. Trên cơ sở cấu trúc bài học chung gồm 4 giai đoạn trên đây, GV căn cứ vào đặc thù của từng cụm bài, khai thác nội dung SGK và tổ chức hoạt động dạy học phù hợp để đạt hiệu quả giáo dục tốt hơn.

Cấu trúc bài học bám sát tiến trình nhận thức của HS theo từng mạch nội dung, chú trọng đến việc khai thác kinh nghiệm, khởi tạo cảm xúc, tăng cường tính trải nghiệm, thực hành, vận dụng kĩ năng,... từ đó thúc đẩy động cơ học tập, hành động thực tiễn của HS; giúp HS nhận định rõ các giá trị, chuẩn mực, hành vi,... hình thành động cơ mà biểu hiện ra bên ngoài bằng sự lựa chọn thực hiện những hành động cụ thể phù hợp với chuẩn mực xã hội. Từ cấu trúc bài học này, nhóm tác giả xây dựng nên các bài học phù hợp với các mục tiêu giáo dục đạo đức và giáo dục kĩ năng sống, giáo dục kinh tế, giáo dục pháp luật, đảm bảo được đặc trưng của môn Đạo đức nhằm điều chỉnh hành vi của HS phù hợp với các giá trị, chuẩn mực xã hội.

Với cấu trúc như trên, các bài học đạo đức từng bước hình thành năng lực tư duy phản biện về các hành vi đạo đức và không đạo đức – một trong những năng lực chưa được quan tâm nhiều trong giáo dục đạo đức hiện nay. Các bài học đạo đức dựa theo quy trình đó khiến việc học tập, thực hành và vận dụng kiến thức trở nên gần gũi, thú vị với HS mà không làm giảm đi ý nghĩa khoa học của môn học. Các cấu trúc bài học này đều được thử nghiệm ngoài thực tế lớp học và cho thấy hiệu quả giáo dục cao.

2. Nội dung sách giáo khoa Đạo đức 4

2.1. Căn cứ xây dựng các bài học

** Căn cứ vào mục tiêu và yêu cầu cần đạt của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và Chương trình môn Đạo đức;*

** Căn cứ vào các lí thuyết về sự phát triển tâm lí trẻ em, trên cơ sở đó nghiên cứu các đặc điểm về nhận thức, tình cảm, nhân cách của HS lớp 4. Tổng hợp các quan điểm về sự phát triển tâm lí trẻ em, đặc biệt là tâm lí của HS lớp 4, có thể khái quát lại một số đặc trưng cần lưu ý để nhóm tác giả biên soạn SGK này:*

– Về sự phát triển nhận thức:

+ Tri giác ở HS tiểu học thường bắt đầu với hành động trực quan, đến cuối tuổi cấp Tiểu học là lớp 4, 5 thì tri giác bắt đầu mang tính xúc cảm, trẻ thích

quan sát các sự vật, hiện tượng có màu sắc sặc sỡ, hấp dẫn và lúc này tri giác của trẻ đã mang tính mục đích, có phương hướng rõ ràng. Có thể dựa vào đặc điểm phát triển này để tìm cách thu hút trẻ tham gia các hoạt động tích cực, hình ảnh màu sắc được thiết kế trong SGK Đạo đức 4. Những hoạt động, ngữ liệu đa dạng sẽ kích thích trẻ cảm nhận, tri giác tích cực và chính xác.

+ Tư duy của HS tiểu học chủ yếu là tư duy trực quan hành động ở đầu cấp và phát triển dần thành tư duy trực quan hình ảnh ở giai đoạn giữa, mang đậm màu sắc xúc cảm. Khả năng khái quát hoá tiến bộ dần từ trẻ lớp 1 đến lớp 5; theo đó, trẻ lớp 4, 5 bắt đầu biết khái quát hoá lí luận. Đây là tiền đề cho sự phát triển tư duy logic, tuy nhiên ở lớp 4, tư duy trực quan hình ảnh vẫn chiếm ưu thế.

+ Hình ảnh tưởng tượng của HS lớp 1 còn đơn giản, chưa bền vững và dễ thay đổi, nhưng đến những năm cuối tiểu học, tưởng tượng tái tạo bắt đầu hoàn thiện. Từ những hình ảnh cũ, trẻ đã tái tạo ra được những hình ảnh mới. Tưởng tượng sáng tạo cũng tương đối phát triển, trẻ bắt đầu phát triển khả năng làm thơ, viết văn, vẽ tranh,... Đây là cơ sở để thiết kế các hoạt động Khởi động, Kiến tạo tri thức mới, Luyện tập, Vận dụng phù hợp hơn với khả năng của HS lớp 4.

+ Đầu giai đoạn tiểu học, trẻ chủ yếu ghi nhớ máy móc. Đến khi bước vào lớp 4 và lớp 5, trẻ bắt đầu ghi nhớ có ý nghĩa và lượng tri thức trẻ nhớ được gia tăng. Đây là giai đoạn tâm lí HS tiểu học mà việc ghi nhớ có chủ định đã phát triển. Tuy nhiên, hiệu quả của việc ghi nhớ có chủ định còn phụ thuộc vào mức độ tích cực tập trung, sự hứng thú và sức hấp dẫn của nội dung tài liệu,...

+ Nếu như đầu cấp, HS tiểu học có sự chú ý thiếu tính bền vững, chưa thể tập trung lâu dài và dễ bị phân tán thì đến giai đoạn cuối của tâm lí HS tiểu học, trẻ có khả năng điều chỉnh sự chú ý của mình, chú ý có chủ định dần phát triển hơn. Trẻ biết cố gắng và có sự nỗ lực về ý chí trong hoạt động học tập, có khả năng tiếp nhận câu chuyện dài hơn, bài thơ nhiều câu chữ hơn, tình huống đa dạng tình tiết hơn so với HS lớp 1, 2, 3.

+ Đến lớp 4, 5, HS đã thành thạo ngôn ngữ viết và bắt đầu hoàn thiện về mặt ngữ pháp, chính tả và ngữ âm. Nhờ có ngôn ngữ phát triển mà trẻ có khả năng tự đọc, tự học, tự nhận thức thế giới xung quanh và tự khám phá bản thân thông qua các kênh thông tin khác nhau.

– Về sự phát triển tình cảm:

Đến lớp 4, các mối quan hệ bạn bè của trẻ được mở rộng, trẻ dễ chia sẻ và chơi thân với các bạn của mình, ra sức giúp đỡ bạn; bên cạnh đó, trẻ cũng dễ

giận dỗi, mâu thuẫn với bạn bè rồi sau đó cũng nhanh chóng làm lành với bạn. Sự phát triển tình cảm trong tâm lí trẻ em tiểu học luôn kèm theo sự phát triển năng khiếu như: thơ, ca, hội hoạ, kĩ thuật, khoa học,... Tâm lí trẻ em tiểu học được phát triển và từng ngày hoàn thiện trên nhiều khía cạnh. Trẻ cũng chững chạc dần và học hỏi nhiều điều thú vị từ thế giới xung quanh mình, đồng thời khám phá nhiều khả năng, năng khiếu của bản thân trong nhiều hoạt động. Đây là cơ sở để đưa các nội dung tích hợp nhằm phát triển năng khiếu cho HS bên cạnh năng lực chung, năng lực đặc thù.

– *Về sự phát triển nhân cách:*

+ Đến lớp 4, những nét tính cách học đường mới dần ổn định và bền vững ở trẻ. Nhìn chung, việc hình thành nhân cách của HS tiểu học mang những đặc điểm cơ bản sau: nhân cách của các em lúc này mang tính chỉnh thể và hồn nhiên, trong quá trình phát triển trẻ luôn bộc lộ những nhận thức, tư tưởng, tình cảm, ý nghĩ của mình một cách vô tư, hồn nhiên, thật thà và ngay thẳng; nhân cách của các em lúc này còn mang tính tiềm ẩn, những năng lực, tố chất của các em còn chưa được bộc lộ rõ rệt, nếu có được tác động thích ứng, chúng sẽ bộc lộ và phát triển; đặc biệt nhân cách của các em còn mang tính đang hình thành. Việc hình thành nhân cách không thể diễn ra một sớm một chiều, với HS tiểu học còn đang trong quá trình phát triển toàn diện về mọi mặt, vì thế nhân cách của các em sẽ được hoàn thiện dần cùng với tiến trình phát triển của mình. Giáo dục đạo đức cho HS lớp 4 không nên định hình hay có những định kiến mà luôn thiện ý, phải dùng những lời lẽ nhẹ nhàng mang tính gợi mở và chờ đợi, phải hướng trẻ đến với những hình mẫu nhân cách tốt đẹp thông qua các tấm gương từ các nhân vật trong SGK, hình mẫu của người lớn (bố mẹ, thầy cô, hàng xóm,...) để trẻ noi gương.

** Căn cứ vào các lí thuyết Tâm lí học, Giáo dục học về đạo đức và quá trình hình thành hành vi đạo đức.* Theo Tâm lí học giáo dục đạo đức, hành vi đạo đức thường được hình thành dựa trên các nhóm yếu tố tâm lí bao gồm: tri thức và niềm tin đạo đức, thiện chí, nghị lực và thói quen đạo đức. Mỗi quan hệ giữa các yếu tố tâm lí cấu thành hành vi đạo đức:

– Tri thức đạo đức là yếu tố định hướng hành vi đạo đức. Nhờ có tri thức đạo đức, cá nhân biết mình nên hay không nên làm gì. Niềm tin, tình cảm, động cơ và thiện chí đạo đức là yếu tố phát động mọi sức mạnh vật chất và tinh thần, tạo ra sự sẵn sàng thực hiện hành vi đạo đức. Có tri thức, có niềm tin, tình cảm, động cơ và thiện chí đạo đức là có ý thức đạo đức. Tuy nhiên, giữa ý thức với hành vi đạo đức luôn tồn tại một khoảng cách nhất định. Yếu tố giúp xoá bỏ khoảng cách này chính là thói quen đạo đức. Nói cách khác,

thói quen đạo đức là yếu tố thể hiện thực hoá sẵn sàng đạo đức cá nhân.

– Theo Tâm lí học giáo dục đạo đức, có các con đường hình thành hành vi đạo đức cho HS như sau: cơ chế bắt chước, cơ chế củng cố và học tập xã hội.

*** Căn cứ vào các lí thuyết về sự phát triển phẩm chất, năng lực cho cá nhân:**

Theo Tâm lí học hoạt động, sự hình thành và phát triển của nhân cách chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, trong đó có các yếu tố cơ bản, đóng vai trò quan trọng như: bẩm sinh – di truyền; hoàn cảnh sống; giáo dục; hoạt động và giao tiếp. Trong các yếu tố đó, giáo dục đóng vai trò chủ đạo vì nó vạch ra chiều hướng cho sự hình thành và phát triển nhân cách của HS, dẫn dắt sự hình thành, phát triển nhân cách của HS theo chiều hướng đó. Giáo dục có thể uốn nắn những đặc điểm tâm lí xấu do tác động tự phát của môi trường xã hội gây nên và làm cho nó phát triển theo chiều hướng mong muốn của xã hội. Tính tích cực khi tham gia vào hoạt động và giao tiếp sẽ quyết định trực tiếp đến sự hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân. Vì vậy, SGK *Đạo đức 4* không chỉ thiết kế các pha hoạt động bao gồm *Khởi động*, *Kiến tạo tri thức mới*, *Luyện tập*, *Vận dụng* mà còn xây dựng ngữ liệu phù hợp với yêu cầu cần đạt, đặc biệt là lưu ý các ngữ liệu này tạo điều kiện cho GV sử dụng linh hoạt để tư vấn, hướng dẫn, động viên kịp thời với những đặc điểm riêng của HS do những tác động khác nhau lên nhân cách. Điều quan trọng là các hoạt động, ngữ liệu phải tạo điều kiện cho GV sử dụng linh hoạt để đưa các phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy học một cách sáng tạo nhằm phát huy tính tích cực của HS trong hoạt động học. Đồng thời, sách quan tâm đặt HS ở vị trí trung tâm và mở rộng các mối quan hệ xung quanh trẻ để đưa các câu chuyện, tình huống,... giúp trẻ có cơ hội trao đổi, thảo luận, xử lí tình huống với nhóm bạn để thúc đẩy tính tích cực của HS lớp 4.

Tóm lại, SGK *Đạo đức 4* – bộ sách *Chân trời sáng tạo* được thiết kế dựa trên đặc điểm tâm lí của HS lớp 4 và căn cứ vào các quan điểm, lí thuyết về giáo dục đạo đức cũng như phát triển phẩm chất, năng lực cá nhân để xây dựng các hoạt động và các ngữ liệu phù hợp với mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình môn Đạo đức. Ngoài ra, căn cứ quan trọng nữa là phân tích điều kiện thực tiễn của giáo dục Việt Nam và kết quả của thực nghiệm.

2.2. Nội dung khái quát và tỉ lệ dành cho các nội dung giáo dục ở sách giáo khoa Đạo đức 4

NỘI DUNG GIÁO DỤC							
Giáo dục đạo đức (55%)					Giáo dục kĩ năng sống (15%)	Giáo dục kinh tế (10%)	Giáo dục pháp luật (10%)
Yêu nước	Nhân ái	Chăm chỉ	Trung thực	Trách nhiệm	Kĩ năng nhận thức, quản lí bản thân	Hoạt động tiêu dùng	Chuẩn mực hành vi pháp luật
Biết ơn người lao động	Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	Yêu lao động	Tôn trọng tài sản của người khác	Bảo vệ của công	Thiết lập và duy trì quan hệ bạn bè	Quý trọng đồng tiền	Quyền và bổn phận trẻ em
Tách thành hai bài: – Người lao động quanh em – Em biết ơn người lao động	Một bài: Em cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	Tách thành hai bài: – Em yêu lao động – Em tích cực tham gia lao động	Một bài: Em tôn trọng tài sản của người khác	Một bài: Em bảo vệ của công	Tách thành hai bài: – Em thiết lập quan hệ bạn bè – Em duy trì quan hệ bạn bè	Một bài: Em quý trọng đồng tiền	Tách thành hai bài: – Quyền trẻ em – Bổn phận của trẻ em

Phân tích thời lượng thực hiện chương trình:

1. Giáo dục đạo đức: 55% (19/35 tiết, đạt yêu cầu);
2. Giáo dục kĩ năng sống: 15% (6/35 tiết, đạt yêu cầu);
3. Giáo dục kinh tế: 10% (3/35 tiết, đạt yêu cầu);
4. Giáo dục pháp luật: 10% (4/35 tiết, đạt yêu cầu);
5. Ôn tập, đánh giá định kì: 10% (3/35 tiết, đạt yêu cầu).

Cụ thể như sau:

STT	Tên bài	Số tiết	STT	Tên bài	Số tiết
Học kì 1			Học kì 2		
1	Người lao động quanh em	2	7	Em bảo vệ của công	3
2	Em biết ơn người lao động	3	8	Em thiết lập quan hệ bạn bè	3

3	Em cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	3	9	Em duy trì quan hệ bạn bè	3
4	Em yêu lao động	3	10	Em quý trọng đồng tiền	3
5	Em tích cực tham gia lao động	2	11	Quyền trẻ em	2
6	Em tôn trọng tài sản của người khác	3	12	Bốn phận trẻ em	2
	Ôn tập tổng hợp	1		Ôn tập tổng hợp	2

2.3. Nội dung, mục tiêu chi tiết các bài học trong sách giáo khoa Đạo đức 4

Bảng mục tiêu chi tiết sau đây sẽ phủ hết những yêu cầu cần đạt quy định trong Chương trình môn Đạo đức lớp 4, đồng thời rèn luyện cho HS những năng lực, phẩm chất được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Tên chủ đề	Tên bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Năng lực		Phẩm chất	Ghi chú/ chất liệu
				Năng lực đặc thù/ chỉ báo	Năng lực chung		
Biết ơn người lao động	Bài 1: <i>Người lao động quanh em</i>	2	- Nêu được đóng góp của một số người lao động ở xung quanh. - Biết vì sao phải biết ơn người lao động.	Năng lực điều chỉnh hành vi: - Nhận thức chuẩn mực hành vi: Nêu được đóng góp của một số người lao động ở xung quanh; Biết vì sao phải biết ơn người lao động. - Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Đồng tình với hành vi nêu được đóng góp và lí do biết ơn người lao động; không đồng tình với hành vi không nêu được đóng góp và lí do biết ơn người lao động.	- Năng lực tự chủ và tự học - Năng lực giao tiếp và hợp tác	- Yêu nước - Nhân ái	

				Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội: – <i>Tìm hiểu:</i> sưu tầm được một số bài hát về đóng góp của người lao động. – <i>Tham gia:</i> Chia sẻ về đóng góp của một tấm gương lao động tiêu biểu mà em biết với bạn bè.			
	Bài 2: <i>Em biết ơn người lao động</i>	3	– Thể hiện được lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. – Nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi biết ơn những người lao động.	Năng lực điều chỉnh hành vi: – <i>Nhận thức chuẩn mực hành vi:</i> Nêu được một số lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi thể hiện được lòng biết ơn người lao động. – <i>Đánh giá hành vi của bản thân và người khác:</i> Đồng tình với lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người lao động; không đồng tình với lời nói, việc làm không thể hiện lòng biết ơn người lao động. – <i>Điều chỉnh hành vi:</i> Thể hiện được lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi; Nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi biết ơn những người lao động.			

				Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội: – <i>Tìm hiểu:</i> Suy tầm những câu ca dao, tục ngữ, về biết ơn người lao động. – <i>Tham gia:</i> Chia sẻ những câu ca dao, tục ngữ về biết ơn người lao động với bạn bè, người thân.	– Năng lực tự chủ và tự học – Năng lực giao tiếp và hợp tác	– Yêu nước – Nhân ái	
Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	Bài 3: <i>Em cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn</i>	3	– Nêu được một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn. – Biết vì sao phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn. – Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.	Năng lực điều chỉnh hành vi: – <i>Nhận thức chuẩn mực hành vi:</i> Nêu được một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn; Biết vì sao phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn. – <i>Đánh giá hành vi của bản thân và người khác:</i> Đồng tình với lời nói, việc làm thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn; không đồng tình với lời nói, việc làm không thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn. – <i>Điều chỉnh hành vi:</i> Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi; Sẵn sàng giúp đỡ người gặp khó khăn phù hợp với khả năng của bản thân.			

			– Sẵn sàng giúp đỡ người gặp khó khăn phù hợp với khả năng của bản thân.	Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội: – <i>Tìm hiểu:</i> Trao đổi với bạn về người gặp khó khăn xung quanh. – <i>Tham gia:</i> Chia sẻ lời nói, việc làm thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn; Lập kế hoạch và giúp đỡ người gặp khó khăn.	– Năng lực tự chủ và tự học – Năng lực giao tiếp và hợp tác – Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	– Nhân ái – Trách nhiệm	
Yêu lao động	Bài 4: <i>Em yêu lao động</i>	3	– Nêu được một số biểu hiện của yêu lao động. – Biết vì sao phải yêu lao động. – Không đồng tình với những biểu hiện lười lao động.	Năng lực điều chỉnh hành vi: – <i>Nhận thức chuẩn mực hành vi:</i> Nêu được một số biểu hiện của yêu lao động; Biết vì sao phải yêu lao động. – <i>Đánh giá hành vi của bản thân và người khác:</i> Không đồng tình với những biểu hiện lười lao động. – <i>Điều chỉnh hành vi:</i> Thể hiện tình yêu lao động; Nhắc nhở được bạn bè, em nhỏ có biểu hiện lười lao động trong học tập và sinh hoạt. Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội: – <i>Tìm hiểu:</i> Sưu tầm những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ về vai trò của lao động.	– Năng lực giao tiếp và hợp tác – Năng lực tự chủ và tự học	Trách nhiệm	

			– <i>Tham gia</i>: Chia sẻ những việc đã làm để thể hiện tình yêu lao động với bạn bè.			
Bài 5: <i>Em tích cực tham gia lao động</i>	2	– Tích cực, tự giác tham gia hoạt động lao động phù hợp với khả năng của bản thân. – Quý trọng người yêu lao động.	<i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> – <i>Nhận thức chuẩn mực hành vi</i>: Nêu được một số biểu hiện của tích cực, tự giác tham gia hoạt động lao động; Nêu được sự cần thiết phải tích cực, tự giác tham gia hoạt động lao động phù hợp với khả năng của bản thân. – <i>Đánh giá hành vi của bản thân và người khác</i>: Thể hiện được thái độ quý trọng người yêu lao động, không đồng tình với những biểu hiện lười lao động. – <i>Điều chỉnh hành vi</i>: Tích cực, tự giác tham gia hoạt động lao động phù hợp với khả năng của bản thân; Bước đầu biết nhắc nhở bạn bè tích cực, tự giác tham gia hoạt động lao động. <i>Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội:</i> Tự giác tham gia hoạt động lao động phù hợp với bản thân.	– Năng lực giao tiếp và hợp tác – Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	Trách nhiệm	

Tôn trọng tài sản của người khác	Bài 6: <i>Em tôn trọng tài sản của người khác</i>	3	– Nêu được một số biểu hiện tôn trọng tài sản của người khác. – Biết vì sao phải tôn trọng tài sản của người khác. – Thể hiện thái độ tôn trọng tài sản của người khác bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp. – Nhắc nhở bạn bè, người thân tôn trọng tài sản của người khác.	Năng lực điều chỉnh hành vi: – Nhận thức chuẩn mực hành vi: Nêu được một số biểu hiện tôn trọng tài sản của người khác; Biết vì sao phải tôn trọng tài sản của người khác. – Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Thể hiện thái độ tôn trọng tài sản của người khác bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp. – Điều chỉnh hành vi: Nhắc nhở bạn bè, người thân tôn trọng tài sản của người khác. Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Có cách cư xử tôn trọng tài sản của người khác.	– Năng lực giao tiếp và hợp tác – Năng lực tự chủ và tự học	– Trách nhiệm – Trung thực	
Bảo vệ của công	Bài 7: <i>Em bảo vệ của công</i>	3	– Nêu được một số biểu hiện của bảo vệ của công. – Biết vì sao phải bảo vệ của công. – Có những việc làm cụ thể để bảo vệ của công.	Năng lực điều chỉnh hành vi: – Nhận thức chuẩn mực hành vi: Nêu được một số biểu hiện của bảo vệ của công; Biết vì sao phải bảo vệ của công. – Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Thể hiện được sự đồng tình với việc làm bảo vệ của công; không đồng tình với việc làm không bảo vệ của công.	– Năng lực giao tiếp và hợp tác – Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	– Trách nhiệm – Yêu nước	

			– Nhắc nhở mọi người giữ gìn, bảo vệ của công. – <i>Điều chỉnh hành vi:</i> Có những việc làm cụ thể để bảo vệ của công; Nhắc nhở mọi người giữ gìn, bảo vệ của công. <i>Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội:</i> – <i>Tìm hiểu:</i> Biết quan sát, tìm hiểu về của công xung quanh em với sự giúp đỡ của thầy cô giáo và người thân. – <i>Tham gia:</i> Tham gia các hoạt động bảo vệ của công phù hợp với lứa tuổi.			
Thiết lập và duy trì quan hệ bạn bè	Bài 8: Em thiết lập quan hệ bạn bè	3	– Biết vì sao phải thiết lập quan hệ bạn bè. – Nhận biết được cách đơn giản để thiết lập quan hệ bạn bè. <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> – Biết vì sao phải thiết lập quan hệ bạn bè. – Biết được một số cách đơn giản để thiết lập quan hệ bạn bè. <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> – <i>Nhận biết chuẩn mực hành vi:</i> Nhận biết được lí do vì sao phải thiết lập quan hệ bạn bè và một số cách đơn giản để thiết lập quan hệ bạn bè.	– Năng lực giao tiếp và hợp tác – Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	– Nhân ái – Trách nhiệm	

				– <i>Đánh giá hành vi của bản thân và người khác:</i> Tự đánh giá được những cách thiết lập quan hệ bạn bè của bản thân có hiệu quả. – <i>Điều chỉnh hành vi:</i> Biết khắc phục những cách thiết lập quan hệ bạn bè chưa tốt và phát triển kỹ năng thiết lập quan hệ bạn bè trong học tập, cuộc sống.			
	Bài 9: <i>Em duy trì quan hệ bạn bè</i>	3	– Biết vì sao phải duy trì quan hệ bạn bè. – Nhận biết được cách đơn giản để duy trì quan hệ bạn bè. – Có quan hệ tốt với bạn bè ở trường học và làng xóm, khối phố.	Năng lực phát triển bản thân: – Biết vì sao phải duy trì quan hệ bạn bè. – Biết được một số cách đơn giản để duy trì quan hệ bạn bè. – Có được quan hệ tốt đẹp với bạn bè ở trường học và làng xóm, khối phố. Năng lực điều chỉnh hành vi: – <i>Nhận biết chuẩn mực hành vi:</i> Nhận biết được lý do vì sao phải duy trì quan hệ bạn bè và một số cách đơn giản để duy trì quan hệ bạn bè. – <i>Đánh giá hành vi của bản thân và người khác:</i> Tự đánh giá được những cách duy trì quan hệ bạn bè của bản thân có hiệu quả.	– Năng lực giao tiếp và hợp tác – Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	– Trách nhiệm – Chăm chỉ	

				– <i>Điều chỉnh hành vi</i>: Biết khắc phục những cách duy trì quan hệ bạn bè chưa tốt và phát triển kỹ năng duy trì quan hệ bạn bè để có mối quan hệ tốt đẹp với bạn bè ở trường lớp, làng xóm và khối phố.			
Quý trọng đồng tiền	Bài 10: <i>Em quý trọng đồng tiền</i>	3	– Nêu được vai trò của tiền. – Biết vì sao phải quý trọng đồng tiền. – Biết bảo quản và tiết kiệm tiền; mua sắm quần áo, đồ dùng, đồ chơi, quà bánh,... đúng mức, phù hợp với hoàn cảnh gia đình. – Nhắc nhở bạn bè chi tiêu tiết kiệm.	Năng lực điều chỉnh hành vi: – <i>Nhận thức chuẩn mực hành vi</i>: Nêu được vai trò của tiền; Biết vì sao phải quý trọng đồng tiền. – <i>Đánh giá hành vi của bản thân và người khác</i>: Đồng tình với việc biết bảo quản và tiết kiệm tiền; không đồng tình với việc không bảo quản và không tiết kiệm tiền. – <i>Điều chỉnh hành vi</i>: Thực hiện được việc bảo quản và tiết kiệm tiền; mua sắm quần áo, đồ dùng, đồ chơi, quà bánh,... đúng mức, phù hợp với hoàn cảnh gia đình; Nhắc nhở bạn bè chi tiêu tiết kiệm. Năng lực tham gia hoạt động kinh tế – xã hội: Lập kế hoạch và thực hiện việc bảo quản, tiết kiệm tiền.	– Năng lực tự chủ và tự học – Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	– Trung thực – Trách nhiệm	

Quyền và bốn phận trẻ em	Bài 11: <i>Quyền trẻ em</i>	2	– Kể được một số quyền cơ bản của trẻ em. – Biết vì sao phải thực hiện quyền trẻ em. – Thực hiện được quyền của trẻ em phù hợp với lứa tuổi. – Nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện quyền trẻ em.	Năng lực điều chỉnh hành vi: – Nhận thức chuẩn mực hành vi: Kể được một số quyền cơ bản của trẻ em; Biết vì sao phải thực hiện quyền trẻ em. – Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Đồng tình hoặc không đồng tình với việc thực hiện quyền trẻ em của bản thân, bạn bè. – Điều chỉnh hành vi: Thực hiện quyền trẻ em phù hợp với lứa tuổi; Nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện quyền trẻ em. Năng lực tham gia hoạt động kinh tế – xã hội: – Góp phần tuyên truyền về quyền trẻ em. – Nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện quyền trẻ em.	– Năng lực giao tiếp và hợp tác – Năng lực tự chủ và tự học	– Trách nhiệm – Nhân ái	Luật Trẻ em 2016
	Bài 12: <i>Bốn phận của trẻ em</i>	2	– Kể được một số bốn phận cơ bản của trẻ em; – Biết vì sao phải thực hiện bốn phận của trẻ em;	Năng lực điều chỉnh hành vi: – Nhận thức chuẩn mực hành vi: Kể được một số bốn phận cơ bản của trẻ em; Biết vì sao phải thực hiện bốn phận của trẻ em. – Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Đồng tình hoặc không đồng tình với việc thực hiện bốn phận trẻ em của bản thân, bạn bè.	– Năng lực giao tiếp và hợp tác – Năng lực tự chủ và tự học	– Trách nhiệm – Nhân ái	Luật Trẻ em 2016

			– Thực hiện được bốn phận của trẻ em phù hợp với lứa tuổi; – Nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện bốn phận của trẻ em.	– <i>Điều chỉnh hành vi:</i> Thực hiện bốn phận của trẻ em phù hợp với lứa tuổi; Nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện bốn phận của trẻ em. – <i>Năng lực tham gia hoạt động kinh tế – xã hội:</i> – Góp phần tuyên truyền về bốn phận của trẻ em. – Nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện bốn phận của trẻ em.			
--	--	--	---	--	--	--	--

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC, TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG

1. Phương pháp dạy học

Theo định hướng về phương pháp giáo dục của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường áp dụng các phương pháp tích cực hoá hoạt động của người học, trong đó GV có vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HS, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HS tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kĩ năng đã tích lũy được để phát triển.

Các hoạt động học tập của HS bao gồm hoạt động *Khởi động*, hoạt động *Kiến tạo tri thức mới*, hoạt động *Luyện tập* và hoạt động *Vận dụng* (ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề có thực trong đời sống), được thực hiện với sự hỗ trợ của thiết bị dạy học tối thiểu, đồ dùng học tập và công cụ khác, đặc biệt là công cụ công nghệ thông tin và các hệ thống tự động hoá của kĩ thuật số. Các hoạt động học tập nói trên được tổ chức trong và ngoài khuôn viên nhà trường thông qua một số hình thức chủ yếu: học lí thuyết; thực hiện bài tập, trò chơi, sắm vai, dự án nghiên cứu; tham gia thảo luận nhóm, tham quan, cắm trại, đọc sách; sinh hoạt tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng. Tùy theo mục tiêu cụ thể và tính chất của hoạt động, HS được tổ chức làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp. Tuy nhiên, dù làm việc độc lập, theo nhóm hay theo đơn

vị lớp, mỗi HS đều phải được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

Trong dạy học môn Đạo đức lớp 4, có thể vận dụng nhiều phương pháp, phương tiện, kỹ thuật dạy học. Về phương pháp dạy học có thể sử dụng *phương pháp kể chuyện, thảo luận nhóm, trò chơi, giải quyết vấn đề, sắm vai, rèn luyện,...*

1.1. Kể chuyện

Kể chuyện là phương pháp dùng lời để thuật lại một câu chuyện nhằm giúp HS rút ra bài học đạo đức từ nội dung câu chuyện. Phương pháp này thường được dùng nhằm giới thiệu cho HS một trường hợp, tình huống cụ thể về chuẩn mực hành vi đạo đức theo bài học. Thông qua lời đọc của GV hoặc HS tự kể, HS sẽ nhận ra được hành vi, cách ứng xử, giải quyết vấn đề của các nhân vật trong câu chuyện. HS sẽ tự rút ra được bài học cho bản thân nên làm theo, hay nên tránh hành vi của nhân vật trong câu chuyện.

Ví dụ: Câu chuyện *Con lừa lười biếng* trong bài 5: *Em tích cực tham gia lao động* góp phần hình thành phẩm chất chăm chỉ cho HS qua thái độ quý trọng người yêu lao động và tích cực, tự giác tham gia hoạt động lao động. Các câu hỏi giúp HS nhận ra được hành vi, cách ứng xử của con lừa trong câu chuyện này, từ đó rút ra ý nghĩa về của tích cực, tự giác trong lao động; tránh hành vi lười lao động như con lừa trong câu chuyện.

2. Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

CON LỪA LƯỜI BIẾNG

Một ông chủ trang trại có nuôi một con lừa. Ông chủ vốn là một người rất khoan dung và tốt bụng nhưng con lừa thì lười biếng, luôn tìm cách trốn tránh công việc.

Một lần, khi đang chở các bao muối về trang trại, con lừa bị rơi xuống một con sông nhỏ. Chỉ một lúc sau, nó nhận ra rằng khi các bao muối bị hoà tan trong nước một phần thì khối lượng nhẹ đi.

Những ngày sau đó, nó cố tình rơi xuống nước khi chở muối. Ông chủ biết điều đó và không hài lòng do mất rất nhiều muối. Ông suy nghĩ và quyết định dạy cho con lừa một bài học.

Một ngày nọ, thay vì phải chở muối, ông cho nó chở vài túi bông trên lưng. Đến sông, nó lại cố tình trượt chân xuống nước và các túi bị ướt hoàn toàn. Nhưng nó rất ngạc nhiên vì các túi trên lưng đột nhiên nặng hơn. Nó

phải cố gắng lê từng bước để chở hết số túi bông ngậm nước rất nặng kia về trang trại.

Con lừa đã được dạy cho một bài học đắt giá và bắt đầu làm việc siêng năng hơn. Kể từ đó, nó được ông chủ yêu quý và có cuộc sống sung túc.

(Theo *Truyện ngụ ngôn Ê-dốp*, NXB Mỹ thuật, 2016)

- Lúc đầu, con lừa làm việc như thế nào?
- Sau khi được ông chủ dạy cho một bài học, con lừa đã thay đổi như thế nào?
- Theo em, tự giác, tích cực trong lao động sẽ đem lại điều gì?

1.2. Thảo luận nhóm

Thảo luận nhóm là phương pháp tổ chức cho HS trao đổi với nhau theo nhóm nhỏ về những vấn đề liên quan đến bài học đạo đức, trong khoảng thời gian giới hạn, mỗi nhóm tự lực hoàn thành các nhiệm vụ học tập/giáo dục trên cơ sở phân công và hợp tác làm việc. Kết quả làm việc của nhóm sau đó được trình bày và đánh giá trước toàn lớp.

Phương pháp thảo luận nhóm tạo cơ hội cho HS có thể chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, ý kiến để giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung bài học; tạo cơ hội cho các em được giao lưu, học hỏi lẫn nhau; cùng nhau hợp tác giải quyết những nhiệm vụ chung.

Ví dụ: GV có thể tổ chức thảo luận nhóm ở các hoạt động Kiến tạo tri thức mới hoặc Luyện tập. Điều này góp phần hình thành và phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS.

Luyện tập 1. Nhận xét các ý kiến sau: ① Yêu lao động là chăm chỉ làm việc. ② Yêu lao động là hoàn thành công việc đúng tiến độ và có chất lượng. ③ Yêu lao động là chủ động làm việc, không đợi nhắc nhở. ④ Yêu lao động giúp con người có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. ⑤ Yêu lao động làm chúng ta lãng phí thời gian. ⑥ Chúng ta cần phê bình, nhắc nhở người lười lao động.	Thảo luận nhóm theo vị trí ngồi (có thể hai bàn quay lại để thảo luận, GV linh hoạt tùy điều kiện thực tế dạy học) 1. Nhiệm vụ thảo luận nhóm: – Nhận xét 6 ý kiến được nêu ở trang 23, bài <i>Em yêu lao động</i> 2. Thời gian thảo luận: 5 phút 3. Kết thúc thời gian thảo luận, mỗi nhóm cử đại diện lên trình bày (GV có thể yêu cầu mỗi nhóm trình bày 1 hoặc 2 ý kiến, các nhóm còn lại sẽ nhận xét, bổ sung)
---	--

1.3. Trò chơi

Phương pháp trò chơi là phương pháp tổ chức cho HS thực hiện những thao tác, hành động phù hợp với bài học đạo đức thông qua trò chơi nào đó. Trò chơi có nhiều mục đích như chơi để khởi động, chơi để lĩnh hội tri thức mới thông qua trò chơi (trò chơi học tập), chơi để phát hiện tình huống có vấn đề trong quá trình chơi và khám phá được cách thức giải quyết vấn đề (trò chơi nhận thức). Tham gia trò chơi, HS thực hiện được những thao tác, những hành động đạo đức một cách nhẹ nhàng, thoải mái.

Ví dụ: Sử dụng phương pháp trò chơi *Đố bạn* để tạo tâm thế thoải mái, kết nối vào bài *Người lao động quanh em*, hoặc trò chơi *Chuyển hoa* tạo không khí vui vẻ, kết nối vào bài *Em yêu lao động*. Trò chơi không chỉ có giá trị hình thức tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái mà quan trọng là làm náo bộ của HS được tập trung, tạo ra năng lượng tích cực để cải thiện động cơ học tập đạo đức của HS. Các trò chơi đều tạo được cảm xúc tích cực và quan trọng là đều góp phần vào việc hình thành và phát triển các năng lực chung như năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho HS và các năng lực đặc thù của môn Đạo đức lớp 4.

Khởi động Tham gia trò chơi <i>Đố bạn</i> 	Khởi động Tham gia trò chơi <i>Chuyển hoa</i> theo bài hát và thực hiện yêu cầu  - Nêu một số hoạt động lao động em đã làm ở nhà và ở trường. - Cảm xúc của em khi thực hiện các việc đó như thế nào?
--	---

1.4. Giải quyết vấn đề

Giải quyết vấn đề là phương pháp tạo ra tình huống có vấn đề và kích thích, điều khiển HS huy động những kiến thức, kĩ năng đã biết có liên quan để giải quyết tình huống đó. Tình huống có vấn đề là loại tình huống tồn tại mâu thuẫn giữa một bên là nhiệm vụ đặt ra và một bên là trình độ hiện tại còn hạn chế. Vì vậy, với vốn kiến thức, kĩ năng và kinh nghiệm sẵn có, HS chưa thể ngay lập tức giải quyết được mà cần phải vận dụng hệ thống kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm sẵn có dưới sự hướng dẫn của GV và sự nỗ lực của bản thân mới có thể giải quyết được tình huống (tìm ra tri thức mới, cách thức hành động mới). Để tạo cơ hội cho HS rèn luyện các năng lực như giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, trong dạy học môn Đạo đức, GV có thể thiết kế các tình huống có vấn đề để HS xử lý tình huống.

Trong SGK *Đạo đức 4* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) có nhiều tình huống đặt ra để HS giải quyết. Ví dụ: phần Kiến tạo tri thức mới, tình huống trong hoạt động 2 bài *Em bảo vệ của công* khá quen thuộc với HS lớp 4, tuy nhiên điều các em cần nỗ lực để hình thành năng lực cho bản thân là cách ứng xử, đưa ra lời nói (giao tiếp) thể hiện hành vi đạo đức mà không để xảy ra bất hoà với bạn. Đây là sự kết nối những kinh nghiệm đã có trong chương trình *Đạo đức* lớp 3, các em dựa vào đó để khám phá thêm tri thức mới và hành động mới ở bài *Em bảo vệ của công*.

2. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi

Giờ ra chơi, trong lúc Tin đang ngồi đọc sách thì thấy Bin lấy ra một chiếc com-pa rồi chăm chú nhìn mặt bàn học. Tin quay sang hỏi Bin:

- Cậu định làm gì vậy?
- Bin thì thầm, vẽ bí mật:
- Từ từ, chờ tớ vẽ xong cậu sẽ biết.

Tin tò mò:

- Cậu vẽ gì mà lại cầm com-pa?

Bin bảo:

- Thì tớ định vẽ ô tô lên mặt bàn nên phải dùng đầu nhọn của com-pa mới vẽ được chứ.

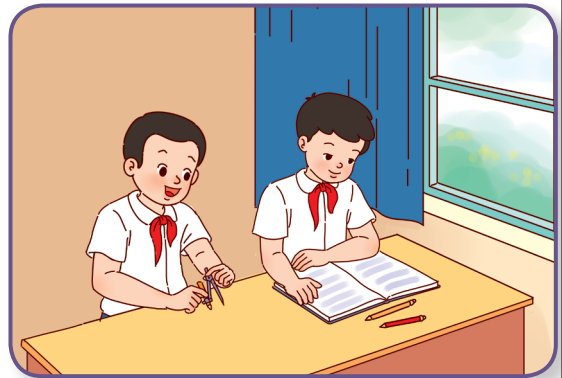
Tin giờ tay ngăn lại:

- Cậu không được vẽ lên mặt bàn.

Bin ngạc nhiên:

- Đây là chỗ ngồi của tớ. Tại sao tớ lại không được vẽ lên?

Tin: ...



- Em thử đoán xem, Tin sẽ trả lời Bin như thế nào?
- Nếu Bin vẽ lên bàn sẽ gây ra tác hại gì?
- Theo em, vì sao phải bảo vệ của công?

1.5. Sắm vai

Sắm vai là phương pháp tổ chức cho HS thực hành một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Phương pháp sắm vai có những ưu điểm như: gây hứng thú và chú ý cho HS; tạo điều kiện làm nảy sinh óc sáng tạo của HS,... Sắm vai có thể tiến hành theo hình thức nhóm nhỏ để vừa phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, vừa phát triển được năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS.

Với các tình huống ở phần Luyện tập, GV có thể sử dụng phương pháp này. Ví dụ, với các tình huống ở Luyện tập 4, bài *Em tôn trọng tài sản của người khác*, GV có thể tổ chức lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thảo luận một tình huống để sắm vai, xử lý tình huống. Nếu thời lượng không đủ, GV có thể linh hoạt chọn 2 trong 4 tình huống, không nhất thiết phải sử dụng hết 4 tình huống trong SGK vì theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, GV hoàn toàn có thể linh hoạt trong việc sử dụng ngữ liệu cũng như lựa chọn phương pháp dạy học, nhưng vẫn giải quyết được hết các yêu cầu cần đạt.

4. Xử lý tình huống

● Tình huống 1:

Sắp đến giờ đi đá bóng nhưng Bin không tìm thấy đôi giày thể thao của mình. Nhìn thấy đôi giày mới của anh trai, Bin nghĩ: "Có nên lấy đôi giày này không nhỉ?".

Nếu là Bin, em sẽ làm gì?

● Tình huống 2:

Cuối giờ ăn trưa ở trường, Cốm nhìn thấy một chiếc kẹp tóc trên bàn. Lúc đó, nhà ăn chỉ còn mình Cốm. Cốm nghĩ: "Đẹp quá! Mình muốn có chiếc kẹp tóc này!".

Nếu là Cốm, em sẽ làm gì?

● Tình huống 3:

Trên đường đi học về, Tin làm rơi mũ. Bin liền nhặt lên và đá như đá cầu, làm bắn chiếc mũ. Tin nhắc Bin trả lại mũ cho mình. Bin nói: "Mình chỉ trêu bạn một chút thôi!".

Nếu là bạn của Bin, em sẽ nhắc nhở Bin như thế nào?

1.6. Rèn luyện

Rèn luyện là phương pháp tổ chức cho HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã biết vào việc thực hiện những hành vi, việc làm trong cuộc sống hằng ngày theo bài học đạo đức nhằm củng cố kiến thức, kĩ năng và hình thành thói quen đạo đức cho HS.

Ví dụ: Rèn luyện việc tiết kiệm tiền trong phần Vận dụng, bài *Em quý trọng đồng tiền*.

Vận dụng

1. Chia sẻ với các bạn về những việc em đã và sẽ làm để bảo quản, tiết kiệm tiền.

2. Lập và thực hiện kế hoạch tiết kiệm tiền phù hợp với điều kiện của bản thân.

Gợi ý:

Kế hoạch tiết kiệm tiền

Thời gian thực hiện	Cách tiết kiệm tiền	Kết quả
...	...	...
...	...	...
...	...	...

3. Nhắc nhở các bạn cùng thực hiện việc bảo quản và tiết kiệm tiền.

Bên cạnh sử dụng phương pháp dạy học, việc sử dụng kĩ thuật dạy học trong môn Đạo đức có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong hoạt động dạy và học vì giúp phát huy sự tham gia hoạt động tích cực, chủ động của HS vào quá trình dạy học. Các kĩ thuật dạy học còn kích thích tư duy, sự sáng tạo của HS một cách tốt nhất. Bên cạnh đó, các kĩ thuật dạy học còn là động lực thúc đẩy sự cộng tác làm việc của HS, rèn luyện năng lực giao tiếp, hợp tác cho người học một cách đầy đủ hơn. Một số kĩ thuật dạy học có thể sử dụng cho HS ở lớp 4 như: *động não, tia chớp, XYZ, sơ đồ tư duy, trình bày một phút, phòng tranh, giao nhiệm vụ, chia sẻ nhóm đôi,...*

Cần phối hợp đa dạng các phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học cùng sự hài hoà giữa hoạt động cá nhân, nhóm và tập thể để đạt mục tiêu cuối cùng và quan trọng nhất trong dạy học đạo đức là hình thành cho HS thói quen đạo đức. Điều đó chỉ có được khi HS vận dụng một cách thường xuyên những kiến thức, kỹ năng đã học vào cuộc sống thường ngày.

2. Tiến trình tổ chức các hoạt động

Chương trình môn Đạo đức lớp 4 quy định bốn mạch nội dung: Giáo dục đạo đức, Giáo dục kỹ năng sống, Giáo dục kinh tế, Giáo dục pháp luật. Các cụm bài được phân chia một cách tương đối theo bốn mạch nội dung đó. Trên cơ sở cấu trúc bài học chung gồm bốn giai đoạn trên đây, GV căn cứ vào đặc thù của từng cụm bài, khai thác nội dung SGK và tổ chức hoạt động dạy học phù hợp để đạt hiệu quả giáo dục tốt hơn. Cụ thể như sau:

2.1. Cách tổ chức các bài học giáo dục đạo đức, giáo dục kinh tế, giáo dục pháp luật

Giai đoạn Khởi động

Giáo viên tổ chức hoạt động khởi tạo cảm xúc, yêu cầu HS khai thác kinh nghiệm, khơi gợi cảm xúc đạo đức của các em về vấn đề thực tiễn liên quan đến chuẩn mực hành vi đạo đức. Hoạt động này giúp HS nhận ra chuẩn mực hành vi cần hình thành, từ đó thúc đẩy việc tìm hiểu và suy nghĩ về các biểu hiện cụ thể của hành vi đạo đức đó trong những hoạt động tiếp theo. Nghiên cứu khoa học và thực tiễn cho thấy, việc giáo dục đạo đức phải xuất phát từ cảm xúc đạo đức, khơi dậy lương tri trong mỗi con người thì mới đạt hiệu quả giáo dục.

Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này hướng tới khai thác, khơi dậy cảm xúc đạo đức trong lương tri của các em, thường là:

– *Em cảm thấy thế nào về ...?*

– *Cảm xúc của em sau khi nghe/xem ... thế nào?*

Ví dụ:

<i>Giáo dục đạo đức</i> <i>Bài: Em cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn</i>	<i>Giáo dục kinh tế</i> <i>Bài: Em quý trọng đồng tiền</i>	<i>Giáo dục pháp luật</i> <i>Bài: Quyền trẻ em</i>
Khởi động Tham gia trò chơi <i>Vượt chướng ngại vật</i> và trả lời câu hỏi  Sang trái một bước nhé, Tin! Điều gì sẽ xảy ra nếu không có bạn giúp em vượt chướng ngại vật?	Khởi động Tham gia trò chơi <i>Đi chợ</i> và trả lời câu hỏi  Mình có 5 nghìn đồng, mình sẽ mua một cục tẩy. Chúc mừng bạn! Mình có 10 nghìn đồng, mình sẽ mua một quyển truyện tranh. Nhất tặc, quyển truyện này có giá là nghìn đồng. Qua trò chơi trên, theo em, tiền dùng để làm gì?	Khởi động Quan sát tranh và trả lời câu hỏi  Mỗi ngày đến trường là một ngày vui. Trẻ em là để yêu thương. – Em có cảm xúc gì khi xem bức tranh mô tả cuộc sống của Tin và Na? – Theo em, Tin và Na đã được hưởng những quyền cơ bản nào của trẻ em?

Giai đoạn Kiến tạo tri thức mới

GV tổ chức hoạt động Kiến tạo tri thức mới, từng bước yêu cầu HS đưa ra ý kiến, phán đoán, nhận xét về những hành động có thể xảy ra trong các tình huống và quyết định hành động nào là phù hợp với chuẩn mực hành vi đạo đức nhất, từng bước hình thành tư duy phản biện về các hành vi đạo đức. Từ đó, HS nhận diện được các biểu hiện cụ thể của chuẩn mực hành vi đạo đức và hiểu được sự cần thiết của việc thực hiện hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, hoặc bày tỏ thái độ (đồng tình/không đồng tình) trong cuộc sống hằng ngày.

Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này định hướng cho HS suy nghĩ, phán đoán về nguyên nhân, kết quả của những hành vi đạo đức, từ đó nêu ra những việc cần phải làm, nên làm, thường là:

- Em hãy nêu các biểu hiện ...?
- Điều gì sẽ xảy ra nếu em không/thực hiện ...?
- Vì sao em phải/không được ...?
- Những việc em nên/cần phải làm là gì?

Ví dụ:

- *Giáo dục đạo đức*
Bài: Em cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn

Kiến tạo tri thức mới

1. Quan sát tranh và nêu biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn



– Giáo dục kinh tế

Bài: Em quý trọng đồng tiền

Kiến tạo tri thức mới

1. Quan sát tranh và cho biết vai trò của tiền



Kể thêm vai trò khác của tiền.

– Giáo dục pháp luật

Bài: Quyền trẻ em

2. Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

CON MUỐN ĐẾN TRƯỜNG

Chi là chị cả, năm nay học lớp 4. Nhà Chi thuộc hộ nghèo, bố Chi thường đau yếu nên cuộc sống rất khó khăn. Em trai mới 3 tuổi nên Chi phải vừa giúp mẹ chăm em, vừa lo việc nhà. Dù vất vả nhưng Chi luôn ham học hỏi và được thầy cô, bạn bè quý mến.

Thấy gia đình Chi khó khăn, cô Hồng hàng xóm bàn với mẹ Chi:

– Hay chị cho cháu nghỉ học để đỡ dần việc nhà.

Mẹ Chi lắc đầu:

– Vợ chồng tôi sẽ cố gắng lo cho con đi học, chị ạ!

Tình cờ, Chi cũng vừa đi học về. Khi được mẹ hỏi, Chi bày tỏ ngay:

– Con thích đi học lắm! Con muốn đến trường, mẹ ạ!

– Câu chuyện trên đề cập đến quyền cơ bản nào của trẻ em? Quyền này cần thiết như thế nào đối với cuộc sống của bạn Chi?

– Theo em, vì sao phải thực hiện quyền của trẻ em?

Giai đoạn Luyện tập

Trên cơ sở nhận thức rõ nguyên nhân, kết quả, việc nên làm, giai đoạn này GV tổ chức cho HS vận dụng kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng đã được kiến tạo ở hoạt động trước vào các tình huống cụ thể để xác định được hành động phù hợp với chuẩn mực hành vi đạo đức. Hoạt động Luyện tập cần thể hiện được động cơ đạo đức được thúc đẩy từ trong lương tâm của HS, các em thực hành đưa ra những lựa chọn của bản thân khi phải cân nhắc giữa việc ưu tiên các hành động đạo đức với những mục tiêu và nhu cầu khác nhau. GV tổ chức cho HS thực hành, luyện tập, lựa chọn hành vi ứng xử phù hợp với những tình huống đạo đức có thực hoặc giả định.

Ví dụ:

– Giáo dục đạo đức

Bài: Em cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn

Luyện tập**1. Nhận xét các ý kiến sau:****1**

Chỉ cần tham gia các hoạt động giúp đỡ người gặp khó khăn do trường tổ chức.

2

Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn là việc ai cũng nên làm.

3

Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn để được khen thưởng.

4

Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn góp phần làm cho xã hội tốt đẹp hơn.

– Giáo dục kinh tế

Bài: Em quý trọng đồng tiền

2. Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm nào sau đây? Vì sao?**1**

Mình sẽ trang trí tờ tiền này.

**2**

Mẹ chỉ có đủ tiền mua giày mới cho con như đã hứa thôi.

Mẹ phải mua cả xe đạp và giày mới cho con!



– Giáo dục pháp luật

Bài: Quyền trẻ em

3. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi



Nếu là bạn của Tin và Na, em sẽ giúp bạn thực hiện quyền trẻ em như thế nào?

Giai đoạn Vận dụng

GV tổ chức cho HS thực hiện các hành động đạo đức bằng cách vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống đạo đức trong thực tiễn (bao gồm cả việc rèn luyện sau giờ học), bất kể những trở ngại và khó khăn nào. Hoạt động này giúp HS hình thành và rèn luyện thói quen thực hiện hành vi đạo đức phù hợp với chuẩn mực trong cuộc sống hằng ngày.

Ví dụ:

– Giáo dục đạo đức

Bài: Em cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn

Vận dụng

1. Chia sẻ với bạn những việc em đã và sẽ làm thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

2. Trao đổi với bạn về những người gặp khó khăn quanh em và lập kế hoạch giúp đỡ họ.

Gợi ý:

Kế hoạch giúp đỡ người gặp khó khăn

STT	Người gặp khó khăn	Việc làm	Thời gian	Người thực hiện	Người hỗ trợ
1	Trẻ mồ côi	Tặng sách cũ	Chủ nhật	Cả nhóm	Cô giáo
2	...	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...

3. Thực hiện kế hoạch giúp đỡ người gặp khó khăn đã đề xuất và chia sẻ với các bạn trong lớp.

– Giáo dục kinh tế

Bài: Em quý trọng đồng tiền

Vận dụng

1. Chia sẻ với các bạn về những việc em đã và sẽ làm để bảo quản, tiết kiệm tiền.

2. Lập và thực hiện kế hoạch tiết kiệm tiền phù hợp với điều kiện của bản thân.

Gợi ý:

Kế hoạch tiết kiệm tiền

Thời gian thực hiện	Cách tiết kiệm tiền	Kết quả
...	...	...
...	...	...
...	...	...

3. Nhắc nhở các bạn cùng thực hiện việc bảo quản và tiết kiệm tiền.

– Giáo dục pháp luật

Bài: Quyền trẻ em

Vận dụng

1. Chia sẻ với các bạn những việc em đã làm để thực hiện quyền trẻ em.

2. Nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện quyền trẻ em như: học tập, vui chơi, chăm sóc sức khỏe, được bảo vệ,...

3. Viết và trang trí một khẩu hiệu tuyên truyền mọi người xung quanh cùng thực hiện quyền trẻ em.

2.2. Cách tổ chức các bài học giáo dục kĩ năng sống

Giai đoạn Khởi động

GV tổ chức hoạt động Khởi động nhằm khai thác kinh nghiệm của HS, khơi gợi cảm xúc vốn có của các em về những vấn đề thực tiễn liên quan đến

kĩ năng sống phù hợp với lứa tuổi và yêu cầu của Chương trình Giáo dục Đạo đức. Hoạt động này giúp HS nhận ra được kĩ năng sống cần được trang bị để giải quyết các vấn đề của thực tiễn, từ đó thúc đẩy việc tìm hiểu và suy nghĩ về cách thực hiện các kĩ năng sống tương ứng.

Câu hỏi đặt ra trong giai đoạn này thường là:

- *Em đã từng tham gia/chứng kiến, thực hiện ... chưa?*
- *Kết quả/hậu quả/ ... thế nào?*
- *Em thấy mình đã làm tốt/chưa tốt điều gì?*
- *Điều gì em cần tiếp tục học hỏi/hoàn thiện?*

Những câu hỏi, cách đặt vấn đề cần: *một mặt*, khai thác xem HS đã biết những gì, biết đến đâu về những kiến thức, kĩ năng liên quan đến nội dung bài học; *mặt khác*, kích thích, khơi dậy nhu cầu tìm hiểu, hoàn thiện các kĩ năng sống còn thiếu hụt trong mỗi HS, tạo động lực để HS hứng thú học tập trong giai đoạn sau.

Giai đoạn Kiến tạo tri thức mới

GV tổ chức hoạt động Kiến tạo tri thức mới nhằm hướng dẫn HS liên kết kinh nghiệm thực tiễn với những tri thức liên quan đến kĩ năng sống cần được trang bị, từ đó xác định được cách thức thực hiện kĩ năng sống phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể.

Các kiến thức về kĩ năng cũng được trang bị trong giai đoạn này. Với những bài học kĩ năng sống, việc nhận thức, nắm bắt các kĩ năng cần được chú trọng. GV đóng vai trò của người hướng dẫn, HS là người phản hồi, trình bày quan điểm/ý kiến, đặt câu hỏi/trả lời.

Câu hỏi đặt ra trong giai đoạn này định hướng cho HS nhận thức về nguyên nhân, kết quả của việc thiếu hụt kĩ năng sống, từ đó nêu ra những việc cần phải làm và làm như thế nào cho phù hợp:

- *Điều gì sẽ xảy ra nếu ...?*
- *Vì sao phải thực hiện ...?*
- *Các bước/cách thức ... nên làm là gì?*

Giai đoạn Luyện tập

GV cần tổ chức các hoạt động cho HS có cơ hội thực hành kiến thức và kĩ năng mới vào một bối cảnh/hoàn cảnh/điều kiện có ý nghĩa. Thông qua hoạt động Luyện tập, GV định hướng cho HS thực hành đúng cách, điều

chỉnh những hiểu biết, kỹ năng còn chưa đúng. Qua đó, HS có thể tiếp tục học hỏi, điều chỉnh kỹ năng của mình để phù hợp với từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể.

Các hoạt động học tập của giai đoạn này thường tập trung vào cách làm:

- *Làm/nói/nghĩ ... thế nào cho đúng/cho phù hợp?*
- *Các bước/quy trình ... thực hiện như thế nào?*

Giai đoạn Vận dụng

GV tổ chức hoạt động để tạo cơ hội cho HS tích hợp, mở rộng và vận dụng kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng đã được luyện tập, thực hành ở hoạt động trước vào các tình huống/bối cảnh mới. GV tổ chức các hoạt động để HS gắn kết các tình huống thực tiễn của chính các em. Hoạt động này giúp HS thể hiện sự linh hoạt, sáng tạo của bản thân khi phải cân nhắc, lựa chọn các kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống cụ thể theo cách hiệu quả nhất, đồng thời hình thành các kỹ năng sống cần thiết, rèn luyện thói quen sống lành mạnh.

Cấu trúc bài học bám sát tiến trình nhận thức của HS theo từng mạch nội dung, chú trọng đến việc khai thác kinh nghiệm, khơi tạo cảm xúc, tăng cường tính trải nghiệm, thực hành, vận dụng kỹ năng,... từ đó thúc đẩy động cơ học tập, hành động thực tiễn của HS; giúp HS nhận định rõ các giá trị, chuẩn mực, hành vi,... hình thành động cơ mà biểu hiện ra bên ngoài bằng sự lựa chọn thực hiện những hành động cụ thể phù hợp với chuẩn mực xã hội. Từ cấu trúc bài học này, nhóm tác giả xây dựng nên các bài học phù hợp với các mục tiêu giáo dục đạo đức và giáo dục kỹ năng sống, giáo dục pháp luật, đảm bảo được đặc trưng của môn Đạo đức nhằm điều chỉnh hành vi của HS phù hợp với các giá trị, chuẩn mực xã hội.

Với cấu trúc như trên, các bài học đạo đức từng bước hình thành năng lực tư duy phản biện về các hành vi đạo đức và không đạo đức – một trong những năng lực chưa được quan tâm nhiều trong giáo dục đạo đức hiện nay. Các bài học đạo đức dựa theo quy trình đó khiến việc học tập, thực hành và vận dụng kiến thức trở nên gần gũi, thú vị với HS mà không làm giảm đi ý nghĩa khoa học của môn học. Các cấu trúc bài học này đều được thử nghiệm tại thực tế lớp học và cho thấy hiệu quả giáo dục cao.

Ví dụ:

Bài: *Em duy trì quan hệ bạn bè*

Bài 9: EM DUY TRÌ QUAN HỆ BẠN BÈ

Mục tiêu

- Biết vì sao phải duy trì quan hệ bạn bè.
- Nhận biết được cách đơn giản để duy trì quan hệ bạn bè.
- Có quan hệ tốt với bạn bè ở trường học và làng xóm, khối phố.

Khởi động

Cùng bạn chia sẻ về những việc các em đã giúp đỡ nhau

- *Em có cảm xúc gì khi biết bạn nhớ việc em từng giúp bạn?*
- *Theo em, việc giúp đỡ bạn bè có phải là cách duy trì tình bạn không? Vì sao?*

Kiến tạo tri thức mới

1. Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

CẬU BÉ VÀ CON SÒ

Ở ngôi làng kia có một cậu bé tốt bụng. Một hôm, cậu lang thang dọc theo bờ biển. Bỗng cậu gặp phải một con sò nhỏ và nhặt lên. Con sò chợt cất tiếng nói:

– Hãy thả tôi về với biển! Tôi sẽ tặng cậu một lời khuyên.

Cậu bé ngạc nhiên và nói với con sò:

– Tôi sẽ thả cậu về với biển, nhưng cậu phải giữ lời hứa. Tôi đang buồn chán vì không có bạn bè. Tôi không giữ được tình bạn với ai cả.

Con sò nhẹ nhàng bảo:

– Cậu hãy nắm chặt một nắm cát đầy. Những hạt cát xa lòng bàn tay sẽ theo kẽ hở giữa các ngón tay rơi xuống. Chỉ có những hạt cát nằm giữa lòng bàn tay, được giữ chặt mới còn lại. Đó chính là những người bạn thân thiết mà chúng ta thật sự cần. Những người bạn này sẽ ở lại với ta dù xảy ra bất cứ chuyện gì.

Cậu bé chăm chú lắng nghe. Con sò tiếp tục khuyên:

– Nhưng những hạt cát này rất ít và dễ rơi ra nếu chúng ta không biết giữ gìn. Giống như tình bạn, để được bền chặt thì chúng ta cần phải quan tâm và giúp đỡ nhau.

Cậu bé cảm ơn và thả con sò về lại với biển. Sau đó, cậu bé suy nghĩ về lời khuyên của con sò nhỏ.

(Phỏng theo *Quà tặng cuộc sống – Tình bạn*, NXB Thế giới, 2018)



– Con sò khuyên cậu bé điều gì?

– Theo em, vì sao phải duy trì quan hệ bạn bè?

2. Quan sát tranh và nêu những cách đơn giản để duy trì quan hệ bạn bè





Kể thêm một số cách để duy trì quan hệ bạn bè.

Luyện tập

1. Nhận xét các ý kiến sau:

- 1 Duy trì quan hệ bạn bè giúp em có những tình bạn đẹp trong cuộc sống. 
- 2 Duy trì quan hệ bạn bè khiến em mệt mỏi vì có quá nhiều bạn. 
- 3 Em có thể duy trì quan hệ với bạn bằng cách rủ bạn cùng học cùng chơi. 
- 4 Để duy trì tình bạn, em cần động viên, an ủi khi bạn gặp khó khăn. 

2. Nêu cách duy trì quan hệ bạn bè phù hợp trong các tình huống sau:

1. Trong Hội khoẻ Phù Đổng, em đoạt giải nhưng bạn cùng lớp thì không.

2. Một bạn trong khu phố của em bị ốm.

3. Em thấy một người bạn trong xóm đang thu dọn rác một mình.

4. Bạn thân của em chuyển đến nơi khác để sinh sống.

3. Xử lý tình huống

• Tình huống 1:

Na và Hoa là bạn thân từ lớp 1. Năm học này, Hoa chuyển sang trường mới nên ít có dịp trò chuyện cùng Na như trước. Hôm nay, Na chợt nhớ ra: "Ôi! Cuối tuần này là sinh nhật của Hoa rồi!".

Nếu là Na, em sẽ làm gì?

• Tình huống 2:

Bạn hàng xóm rủ Bin Chủ nhật tuần này sang nhà bạn chơi. Bin đồng ý và hứa sẽ đến đúng giờ. Nhưng đến Chủ nhật, Tin đến nhà rủ Bin đi đá cầu.

Nếu là Bin, em sẽ làm gì?

Vận dụng

1. Thiết kế "Sổ tình bạn" theo gợi ý sau:

- Ghi thông tin về những người bạn của em: ngày sinh, tính cách, sở thích, cách liên lạc với bạn.
- Sử dụng các thông tin trên để thể hiện sự động viên, giúp đỡ, hỏi thăm,... nhằm duy trì quan hệ bạn bè.



2. Thực hiện những lời nói, việc làm để duy trì quan hệ bạn bè ở trường học, làng xóm, khối phố.

*Duy trì quan hệ bạn bè,
Quan tâm, giúp đỡ, lắng nghe, giữ lời
Cùng làm, cùng học, cùng chơi,
Trò chuyện, chia sẻ, cười tươi mỗi ngày!*

IV. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

1. Định hướng về kiểm tra, đánh giá môn Đạo đức

Ngày 4/9/2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT về Quy định đánh giá HS tiểu học, theo đó: “Đánh giá HS tiểu học là quá trình thu thập, xử lý thông tin thông qua các hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của HS; tư vấn, hướng dẫn, động viên HS; diễn giải thông tin định tính hoặc định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của HS tiểu học”.

Đánh giá kết quả giáo dục là đánh giá mức độ đạt được của HS về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học, cấp học nhằm xác định vị trí và ghi nhận sự tiến bộ của mỗi HS tại thời điểm nhất định trong quá trình phát triển của bản thân; đồng thời cung cấp thông tin để GV điều chỉnh việc dạy học và cơ quan quản lý giáo dục thực hiện phát triển chương trình. Đánh giá kết quả giáo dục môn Đạo đức phải bảo đảm các yêu cầu:

a. Kết hợp đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập (bài kiểm tra dưới dạng trắc nghiệm, vấn đáp hoặc tự luận, bài tập thực hành, bài tiểu luận, bài thuyết trình, bài tập nghiên cứu, dự án nghiên cứu,...) với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, tập thể hay cộng đồng và trong sinh hoạt, giao tiếp hằng ngày. Chú trọng sử dụng các bài tập xử lý tình huống được xây dựng trên cơ sở gắn kiến thức của bài học với thực tế đời sống, đặc biệt là những tình huống, sự việc, vấn đề, hiện tượng của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với HS. Tăng cường các câu hỏi mở gắn với thực tiễn trong các bài tập kiểm tra, đánh giá để HS được thể hiện phẩm chất và năng lực. Việc đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia vào các hoạt động học tập, sinh hoạt ở trường, ở nhà và ở cộng đồng cần dựa trên phiếu nhận xét của GV, HS, gia đình hoặc các tổ chức xã hội.

b. Kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HS, đánh giá của phụ huynh HS và đánh giá của cộng đồng, trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất và cần coi trọng đánh giá sự tiến bộ của HS.

c. Kết quả đánh giá sau mỗi học kì và cả năm học đối với mỗi HS là kết quả tổng hợp đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Sử dụng hình thức kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh đối với môn Đạo đức

2.1. Đánh giá thường xuyên

Đánh giá thường xuyên là một hình thức đánh giá trong dạy học môn Đạo đức được thực hiện qua từng hoạt động, tiết học, bài học. Như vậy, mỗi HS đều được đánh giá một cách thường xuyên, bảo đảm việc giáo dục đạo đức diễn ra liên tục, xuyên suốt.

Mục đích của đánh giá thường xuyên là giúp GV, HS xác định mức độ được giáo dục của từng HS trên cơ sở đối chiếu với mục tiêu, các yêu cầu cần đạt theo chương trình môn Đạo đức, từ đó, tác động phù hợp nhằm giúp các em tiến bộ không ngừng, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả quá trình này.

Trong đánh giá thường xuyên môn Đạo đức, ngoài GV, cả HS cũng tự đánh giá bản thân và đánh giá lẫn nhau nhằm tạo ra sự thống nhất. Bên cạnh đó, trong nhiều trường hợp, còn có sự tham gia của các lực lượng giáo dục, trước hết là gia đình. Chính sự tham gia này của các lực lượng giáo dục giúp cho việc đánh giá trở nên khách quan hơn nhờ HS được đánh giá mọi lúc, mọi nơi. Ví dụ, liên quan đến những bài học đạo đức về mối quan hệ với gia đình, sự đánh giá của gia đình về việc HS thực hiện hành vi là cực kì quan trọng.

Nội dung đánh giá thường xuyên trong dạy học môn Đạo đức gồm:

- Các biểu hiện về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù theo chương trình quy định trong từng bài học.
- Các yêu cầu cần đạt theo từng nội dung, bài học được quy định trong chương trình môn học.

Những nội dung này được cụ thể hoá bằng *mục tiêu* của từng bài đạo đức, thậm chí mục tiêu của từng hoạt động được tổ chức theo bài đạo đức đó.

Ngoài ra, đánh giá thường xuyên còn quan tâm đến *quá trình* HS hoạt động, nhất là tư duy, để đạt được kết quả hoạt động (kiến thức, kĩ năng, hành vi, thái độ).

Do đó, khi đánh giá HS, GV cần căn cứ vào mục tiêu hoạt động, mục tiêu bài học, đối chiếu với kết quả, tính đến các điều kiện thực hiện để xác định được mức độ được giáo dục của từng em.

Trong đánh giá thường xuyên, GV nhất thiết phải vận dụng phối hợp các phương pháp đánh giá khác nhau mới bảo đảm tính khách quan, nhất là đánh giá hành vi của HS. Sau khi có được thông tin chính xác và đầy đủ về kết quả học tập môn Đạo đức của mỗi em, GV cần dự kiến và tiếp tục tác động đến HS nhằm giúp từng em khắc phục hạn chế để để đạt được những yêu cầu cần đạt theo bài học và tiến bộ. Theo quy định hiện hành, hình thức đánh giá thường xuyên của môn Đạo đức là bằng nhận xét, không cho điểm.

Ngoài ra, trong quá trình đánh giá thường xuyên, tùy tính chất bài đạo đức, GV cần liên hệ và phối hợp với các lực lượng giáo dục, nhất là gia đình, nhằm bảo đảm hiệu quả giáo dục.

2.2. Đánh giá định kì

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đánh giá định kì đối với môn Đạo đức được thực hiện vào bốn thời điểm: giữa học kì 1, cuối học kì 1, giữa học kì 2 và cuối năm học.

Nội dung đánh giá định kì bao gồm:

- Các biểu hiện về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù theo chương trình quy định cho các nội dung, bài đã học.
- Các yêu cầu cần đạt theo các nội dung, bài đã học được quy định trong chương trình môn học.

Trên cơ sở đánh giá thường xuyên, đối chiếu mức độ hoàn thành nhiệm vụ, kết quả đạt được của HS với mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình môn Đạo đức, GV đưa ra đánh giá cá nhân HS theo một trong các mức sau:

- Hoàn thành tốt: Thực hiện tốt các yêu cầu học tập của môn Đạo đức.
- Hoàn thành: Thực hiện được các yêu cầu học tập của môn Đạo đức.
- Chưa hoàn thành: Chưa thực hiện được một số yêu cầu học tập của môn Đạo đức.

Bên cạnh đó, GV cũng cần ghi nhận sự tiến bộ của HS sau một thời gian học tập (học kì, năm học).

Các phương pháp kiểm tra, đánh giá thường được vận dụng trong đánh giá định kì môn Đạo đức là vấn đáp, kiểm tra viết.

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đánh giá định kì không cho điểm.

V. GIỚI THIỆU TÀI LIỆU BỔ TRỢ, NGUỒN TÀI NGUYÊN, HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ, THIẾT BỊ GIÁO DỤC

1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lí trong việc sử dụng tài nguyên sách và học liệu điện tử

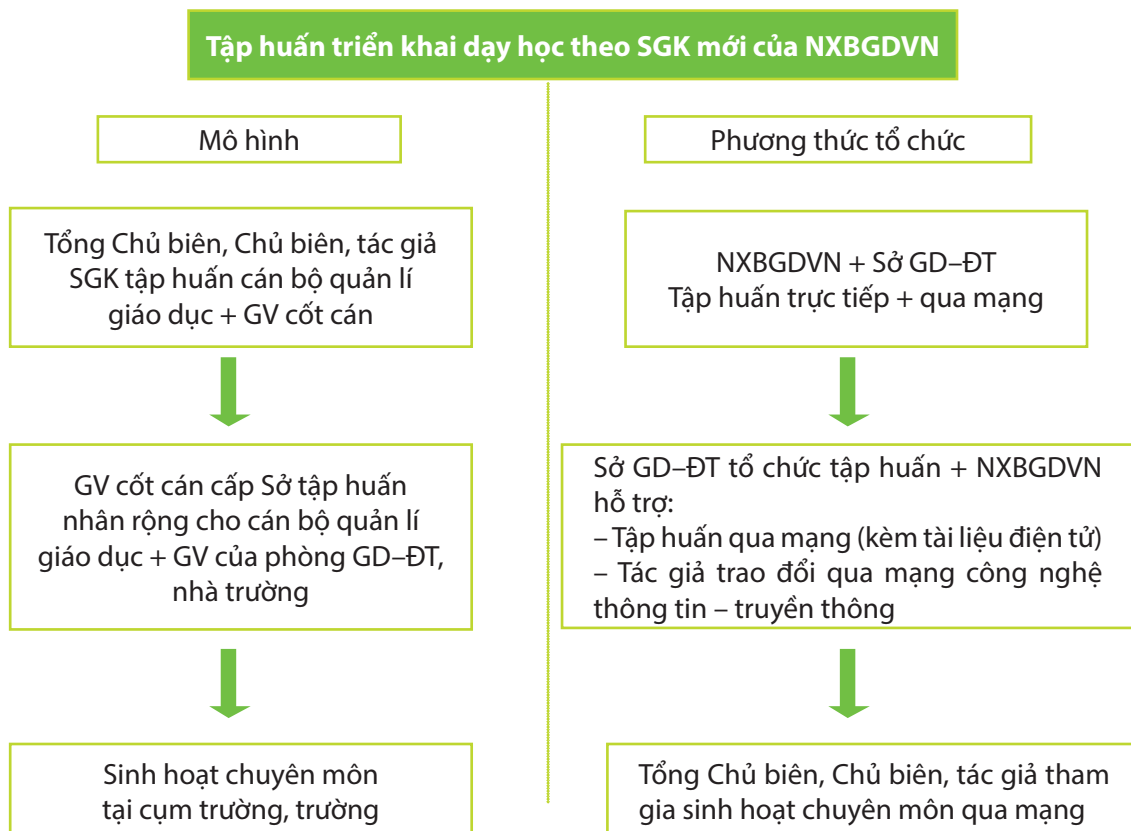
SGK Đạo đức 4 (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) là sản phẩm của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN), được biên soạn dưới sự chỉ đạo trực tiếp của NXBGDVN. Vì vậy, khi sử dụng SGK này, NXBGDVN đảm bảo GV và cán bộ quản lí sẽ có điều kiện tiếp cận với một nguồn tài nguyên đồ sộ, đa dạng, phong phú (gồm sách tham khảo, tranh ảnh, đồ dùng dạy học,...) và nhiều học liệu điện tử do các đơn vị thành viên của NXBGDVN tổ chức biên soạn, thiết kế.

Nguồn tài nguyên và học liệu điện tử này đảm bảo ở mức cao nhất cơ sở dữ liệu để GV, cán bộ quản lý ở tất cả các trường tiểu học trong cả nước tham khảo, từ đó chọn lọc được những dữ liệu thích hợp nhất đối với việc dạy học môn Đạo đức lớp 4.

Trong quá trình dạy học, GV hoàn toàn có thể, trên cơ sở của SGK *Đạo đức 4*, khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên của NXBGDVN để xây dựng các tình huống, sử dụng các tranh ảnh, video clip, mở rộng hoặc làm mới nội dung bài học bằng những mẫu chuyện đạo đức, thiết kế các hoạt động trải nghiệm v.v. phù hợp với mục tiêu từng bài học để quá trình dạy học thực sự là quá trình tích hợp, huy động kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau; đồng thời quá trình dạy học cũng là quá trình phát triển năng lực, nghiệp vụ sư phạm cho GV.

Cùng với các hoạt động tập huấn trực tiếp, NXBGDVN phát triển hệ thống tập huấn qua mạng (taphuan.nxbgd.vn) để đảm bảo cho tất cả GV, cán bộ quản lý giáo dục được tiếp cận trực tiếp bài giảng, giải đáp của chính Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả SGK, qua đó tiếp nhận đầy đủ và có thể vận dụng sáng tạo ý tưởng, nội dung, phương pháp, cách tổ chức dạy học của SGK mới lớp 4 vào dạy học, quản lý dạy học tại địa phương.

a) Mô hình, phương thức tổ chức tập huấn



b) Các học liệu, tiện ích của hệ thống tập huấn qua mạng

- Tài liệu tập huấn tổ chức thực hiện dạy học theo SGK mới.
- Các video giới thiệu tổng quan bộ sách; minh họa tiết học; phân tích những đặc trưng, điểm nổi bật về cấu trúc sách, nội dung, phương pháp, cách tổ chức dạy học theo từng môn học, hoạt động giáo dục.
- Bộ giải đáp câu hỏi thường gặp được tổng hợp, biên tập từ những đợt hội thảo, tập huấn GV, cán bộ quản lý giáo dục triển khai dạy học theo SGK mới lớp 4 của bộ sách *Chân trời sáng tạo* thuộc NXBGDVN.
- Câu hỏi, bài tập kiểm tra, đánh giá kết quả tập huấn qua mạng.
- Bộ các công cụ tiện ích để cán bộ quản lý giáo dục, GV trao đổi với Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả, biên tập viên SGK mới của NXBGDVN và trao đổi kinh nghiệm triển khai dạy học với đồng nghiệp trên toàn quốc.
- Hướng dẫn sử dụng hệ thống tập huấn qua mạng để tự học, tự bồi dưỡng và để tổ chức tập huấn GV của sở, phòng giáo dục – đào tạo, sinh hoạt chuyên môn cụm trường, trường.

c) Lợi ích đối với cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, GV

- SGK do chính Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả SGK tập huấn, hỗ trợ nên cán bộ quản lý giáo dục, GV được tiếp thu nguyên mẫu, trao đổi, chia sẻ trực tiếp.
- Hệ thống tập huấn qua mạng luôn được cập nhật và hoạt động 24/7 nên cán bộ quản lý giáo dục, GV (kể cả những người được bổ nhiệm, tuyển dụng sau tập huấn triển khai SGK mới) có thể thường xuyên truy cập, cập nhật thông tin, tự học, tự bồi dưỡng.
- Kết xuất các báo cáo, thống kê, phân tích kết quả tập huấn cho các cấp quản lý sở, phòng, cơ sở giáo dục.

2. Giới thiệu về hệ thống sách điện tử (hanhtrangso.nxbgd.vn)

Cùng với việc xuất bản SGK giấy, NXBGDVN còn tổ chức xuất bản SGK điện tử. Trên cơ sở ứng dụng những thành tựu mới nhất của công nghệ thông tin, SGK điện tử của NXBGDVN có những ưu điểm sau:

a) Tích hợp và mở rộng

SGK điện tử lớp 4 là phiên bản điện tử của SGK lớp 4 được tích hợp và mở rộng các nội dung liên quan:

- Các học liệu kèm theo SGK như các tệp âm thanh, hình ảnh, clip, video,...;
- Hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học cần thiết để dạy học theo SGK;

- Sách bổ trợ, sách GV;
- Hướng dẫn trả lời câu hỏi, bài tập, hình ảnh, video, đề kiểm tra và đáp án, thí nghiệm số hoá, bài e-learning, giáo án, bài giảng;
- Hỏi đáp, tương tác với Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả, biên tập viên SGK và các đơn vị, cá nhân liên quan của NXBGDVN;
- Trao đổi, thảo luận qua mạng với cộng đồng người dùng sách;
- Tự học qua mạng.
- SGK điện tử được thực hiện tích hợp truyền thông đa phương tiện, liên thông nội dung SGK với các nguồn thông tin điện tử có liên quan.
- SGK điện tử “động hoá” được các thông tin từ kênh hình, các cơ chế, quá trình; kết hợp được kênh thông tin khác nhau như hình ảnh, âm thanh, chữ trong việc thể hiện nội dung kiến thức; linh hoạt trong việc bổ sung, hoàn thiện kiến thức.

b) Cập nhật, phát triển không ngừng

Phiên bản điện tử của SGK luôn là phiên bản mới nhất, được cập nhật thường xuyên để:

- Không ngừng hoàn thiện, bổ sung, mở rộng những chức năng nâng cao của hệ thống.
- Không ngừng hoàn thiện, mở rộng, nâng cao nội dung sách, học liệu.

c) Công nghệ

- Hệ thống sách điện tử cho phép chạy trên nền tảng web, sử dụng các trình duyệt phổ biến như IE, FireFox, Chrome,...; thiết bị sử dụng là máy tính cá nhân, máy tính bảng và điện thoại thông minh.
- Hệ thống thân thiện, đơn giản, dễ sử dụng cho mọi đối tượng ở các vùng miền có điều kiện khác nhau trên toàn quốc.
- Có giải pháp chạy offline cho những nơi chưa có hoặc hạn chế về Internet.

d) Dịch vụ hỗ trợ 24/7

- Tập hợp câu hỏi của người dùng để tạo thành tập hợp những câu hỏi/trả lời thường xuyên (Q&A).
- Theo dõi quá trình học tập, sử dụng của người dùng trên hệ thống.
- Quản lý người dùng, kết xuất thống kê, báo cáo hỗ trợ công tác quản lý của các cơ quan quản lý giáo dục.

VI. KHAI THÁC THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU TRONG DẠY HỌC

Chương trình môn Giáo dục công dân 2018 định hướng: “Ngoài các điều kiện thực hiện chương trình giáo dục phổ thông nêu trong Chương trình tổng thể, môn Giáo dục công dân cần được trang bị các tư liệu, phương tiện, đồ dùng dạy học phù hợp với đặc trưng của môn học và điều kiện thực tế như: tranh, ảnh, băng, đĩa, sách và tài liệu tham khảo có nội dung giáo dục về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế và pháp luật; máy chiếu; ti vi;...”.

Ngày 30/12/2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học, trong đó có danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn Đạo đức lớp 4. Để khai thác thiết bị và học liệu một cách hiệu quả, GV và cán bộ quản lí cần lưu ý một số vấn đề sau:

– Coi trọng việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học để hỗ trợ quá trình nhận thức trực quan, cảm tính của HS nhưng phải sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, thực sự có hiệu quả, tránh hình thức, tránh lạm dụng gây phản tác dụng đối với người học, làm giảm hiệu quả của quá trình dạy học. Trong quá trình khai thác và sử dụng thiết bị, học liệu, GV cần cân nhắc, tính toán cụ thể liều lượng, mức độ sao cho các thiết bị và học liệu góp phần làm cho giờ học thêm sinh động, hấp dẫn chứ không sử dụng tràn lan, quá mức khiến giờ học bị nhiều, không đảm bảo thực hiện được mục tiêu bài học.

– Tạo điều kiện để HS thực sự được thực hành, thao tác trên các phương tiện, thiết bị dạy học. GV không nên lạm dụng việc thuyết giảng và làm mẫu trên bộ đồ dùng dạy học của GV, biến HS thành những “quan sát viên” mà nên tạo điều kiện để HS thực hành, thao tác trực tiếp trên phương tiện, thiết bị dạy học (quan sát, lựa chọn,...), qua đó giúp HS trải nghiệm, khám phá, phát hiện kiến thức một cách chủ động, tích cực; rèn luyện kĩ năng tìm tòi, giải quyết vấn đề sáng tạo, góp phần phát triển “năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân”.

– Khuyến khích sử dụng các phương tiện nghe nhìn, phương tiện kĩ thuật hiện đại hỗ trợ quá trình dạy học, đồng thời coi trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thống, phương tiện trực quan thao tác được (những phương tiện có thể trực tiếp cầm, nắm, sắp xếp, dịch chuyển) để giúp việc học trở nên trực quan, hứng thú, tích cực hơn, tiết kiệm thời gian hơn.

– Động viên, khuyến khích HS phát triển hoạt động tự làm các thiết bị dạy học phù hợp để một mặt bổ sung kịp thời các phương tiện, thiết bị dạy học, đặc biệt là thiết bị học tập cá nhân; mặt khác góp phần thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực cho HS.

– Trong dạy học cần kết hợp, phối hợp sử dụng các dạng, loại thiết bị dạy học (thiết bị truyền thống và hiện đại, thiết bị quan sát và thực hành, thiết bị thực và ảo, thiết bị được cung cấp và tự làm). Tùy vào nội dung bài học, phương pháp dạy học mà có thể kết hợp sử dụng các loại hình thiết bị dạy học với nhau và phối hợp chúng một cách hợp lí, khoa học, sinh động.

– Tùy theo điều kiện của từng trường, từng nội dung dạy học cụ thể mà GV có thể lựa chọn một số mô hình, hoặc sử dụng phần mềm xây dựng một số hình ảnh trực quan hỗ trợ dạy học.

Phần thứ hai

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

I. QUY TRÌNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Thực hiện Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018, Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông cấp Tiểu học, Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 4/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng công văn số 2345/BGDĐT-GDTH. Trong nội dung công văn về hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học có hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch bài dạy như sau:

GV căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục; kế hoạch giáo dục của nhà trường; kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; SGK, thiết bị dạy học để xây dựng kế hoạch bài dạy gồm: yêu cầu cần đạt, đồ dùng dạy học cần chuẩn bị, hoạt động dạy học chủ yếu, điều chỉnh sau bài dạy, cụ thể như sau:

a) Yêu cầu cần đạt của bài học: Trên cơ sở yêu cầu cần đạt của mạch nội dung được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục, GV chủ động sử dụng SGK, thiết bị dạy học, học liệu để xác định yêu cầu cần đạt của bài học phù hợp với đối tượng HS, đặc điểm nhà trường, địa phương. Yêu cầu cần đạt của bài học cần xác định rõ: HS thực hiện được việc gì; vận dụng được những gì vào giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống; có cơ hội hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực gì.

b) Đồ dùng dạy học: Các đồ dùng cần chuẩn bị để tổ chức dạy học bài học.

c) Hoạt động dạy học chủ yếu: GV chủ động tổ chức hoạt động dạy học linh hoạt, sáng tạo, đa dạng theo tính chất bài học (bài kiến thức mới; thực hành, ôn tập), đặc điểm môn học, hoạt động giáo dục và phù hợp đối tượng HS.

d) Điều chỉnh sau bài dạy: GV ghi những điểm cần rút kinh nghiệm sau khi thực hiện kế hoạch bài dạy để hoàn thiện phương án dạy học cho các bài học sau: nội dung còn bất cập, còn gặp khó khăn trong quá trình thực hiện tổ chức dạy học; nội dung tâm đắc tổ chức dạy học hiệu quả để trao đổi, thảo luận khi tham gia sinh hoạt chuyên môn.

KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Môn học/hoạt động giáo dục.....; lớp

Tên bài học:; số tiết:

Thời gian thực hiện: ngày...tháng...năm...(hoặc từ .../.../... đến .../.../...)

1. Yêu cầu cần đạt: Nêu cụ thể HS thực hiện được việc gì; vận dụng được những gì vào giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống; có cơ hội hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực gì.

2. Đồ dùng dạy học: Nêu các thiết bị, học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho HS hoạt động nhằm đạt yêu cầu cần đạt của bài dạy.

3. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

- Hoạt động Mở đầu: khởi động, kết nối.
- Hoạt động Hình thành kiến thức mới: trải nghiệm, khám phá, phân tích, hình thành kiến thức mới (đối với bài hình thành kiến thức mới).
- Hoạt động Luyện tập, thực hành.
- Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (nếu có).

4. Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có).

Các tác giả SGK Đạo đức 4 xây dựng cấu trúc bài học tương ứng với hướng dẫn của Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH bao gồm: *Khởi động, Kiến tạo tri thức mới, Luyện tập, Vận dụng*. Mỗi hoạt động đều có gợi ý việc sử dụng và lựa chọn các phương pháp và kỹ thuật dạy học cũng như sự phối hợp các phương pháp dạy học và kỹ thuật dạy học để đảm bảo tính tích cực cho HS. Trong một số hoạt động sẽ có gợi ý để GV có thể dễ dàng nhận xét, tổng kết, kết luận những tri thức đạo đức để gửi gắm đến HS. Ngoài các hoạt động chính, nhóm tác giả còn biên soạn thêm một số hoạt động mở rộng nhằm gợi ý thêm cho GV tổ chức hoạt động phù hợp với những lớp có nhiều HS khá, giỏi, hoặc làm phong phú thêm các hình thức tổ chức bài học.

Trong các bài, nhóm tác giả còn hướng dẫn GV viết thư gửi các bậc cha mẹ HS, nhằm tạo sự kết nối, tương tác, cộng đồng trách nhiệm trong việc theo dõi, phối hợp, đánh giá quá trình rèn luyện của HS.

Trong phần cuối của một số bài, thường có thêm một hoặc một số phụ lục, học liệu để GV tổ chức đánh giá, kết nối với gia đình, theo dõi quá trình rèn luyện của HS.

Ngoài việc gắn kết với SGK, sách GV còn gắn kết với *Vở bài tập Đạo đức 4*. Một số phương pháp được gợi ý trong sách GV, GV có thể yêu cầu, giao nhiệm vụ HS sử dụng vở bài tập để thực hiện như các phiếu giao nhiệm vụ, các kế hoạch, các phiếu rèn luyện,... Điều này giúp cho quá trình tổ chức hoạt động dạy – học của GV được linh hoạt và chủ động hơn.

II. BÀI SOẠN MINH HOẠ

Chủ đề: QUÝ TRỌNG ĐỒNG TIỀN

Bài 10: Em quý trọng đồng tiền

Thời lượng: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

- *Trách nhiệm*: Có ý thức sử dụng tiền một cách hợp lí.
- *Chăm chỉ*: Bảo quản và tiết kiệm tiền, nhắc nhở bạn bè chi tiêu một cách tiết kiệm.

2. Năng lực

Năng lực chung

- *Tự chủ và tự học*: Tự giác tuân thủ quy tắc sử dụng tiền một cách hợp lí.
- *Giao tiếp và hợp tác*: Nhắc nhở bản thân, bạn bè bảo quản và tiết kiệm tiền.

Năng lực đặc thù

Năng lực điều chỉnh hành vi:

Năng lực nhận thức chuẩn mực hành vi	– Nêu được vai trò của tiền. – Biết vì sao phải quý trọng đồng tiền.
Năng lực đánh giá hành vi của bản thân và người khác	– Nhắc nhở bạn bè chi tiêu tiết kiệm.
Năng lực điều chỉnh hành vi	– Biết bảo quản và tiết kiệm tiền; mua sắm quần áo, đồ dùng, đồ chơi, quà bánh,... đúng mức, phù hợp với hoàn cảnh gia đình.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

– *Tài liệu*: SGK, sách GV, *Vở bài tập Đạo đức 4*, các ngữ liệu dạy học mà GV tự sưu tầm thêm gắn với yêu cầu cần đạt của bài học.

– *Thiết bị dạy học*: Máy tính, máy chiếu (nếu có), giấy A4 (giấy ghi chú hoặc giấy nháp), sơ đồ tư duy vẽ sẵn trên giấy khổ A1 hoặc A0.

2. Học sinh

– *Tài liệu*: SGK, *Vở bài tập Đạo đức 4* (nếu có), bút viết, bảng con và phấn/bút lông viết bảng.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Tham gia trò chơi *Đi chợ* và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu:

- Tạo cảm hứng học tập cho HS.
- Kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới, kết nối vào bài học “Em quý trọng đồng tiền”.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS cách chơi trò chơi *Đi chợ*: *Em hãy bốc thăm chọn số tiền cụ thể trong hộp và nêu tên món đồ em muốn mua.*

Gợi ý: GV có thể chuẩn bị một số đồ vật như bút, sách, vở, bình nước, bánh, kẹo,... ghi sẵn giá tiền trên đồ vật và dán một lớp giấy che giá tiền lại; một chiếc hộp để các lá thăm ghi các mệnh giá tiền khác nhau, tương ứng với giá tiền của các đồ vật đã chuẩn bị. GV mời 1 HS đóng vai người bán hàng và một số HS đóng vai người đi mua hàng. HS đóng vai đi mua hàng sẽ lần lượt bốc thăm giá tiền trong hộp. Sau đó, HS bán hàng sẽ mở giá tiền trên đồ vật, nếu trùng khớp thì sẽ nói “Chúc mừng quý khách”; nếu không đúng thì nói “Rất tiếc...”.

2. GV đặt câu hỏi để HS suy nghĩ và trả lời: *Qua trò chơi trên, theo em, tiền dùng để làm gì?*

3. GV tổ chức cho HS nhận xét lẫn nhau, GV nhận xét và tổng kết hoạt động để kết nối vào bài học.

Gợi ý: *Tiền sẽ giúp em mua được những đồ dùng, vật dụng mà em muốn. Nhưng làm thế nào chúng ta có thể bảo quản và tiết kiệm được tiền? Chúng ta cùng tìm hiểu qua bài “Em quý trọng đồng tiền”.*

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Quan sát tranh và cho biết vai trò của tiền

a. Mục tiêu: Nêu được vai trò của tiền.

b. Tổ chức thực hiện:

1. Hoạt động này có thể tiến hành theo hình thức cá nhân hoặc nhóm. Với hoạt động nhóm, GV tổ chức thi đua để tạo sự sinh động: hướng dẫn HS chia nhóm 6 và tổ chức trò chơi *Nhìn hình – đoán ý*.

Luật chơi: Trong thời gian 4 phút, các nhóm quan sát 4 bức tranh ở SGK, trang 50 và nhanh chóng nêu vai trò của tiền trong cuộc sống.

2. GV tạo điều kiện cho các nhóm nhận xét lẫn nhau. GV đánh giá kết quả thi đua của các nhóm. GV có thể đặt câu hỏi mở rộng thêm để khái thác kinh nghiệm của HS: *Theo em, tiền còn có những vai trò nào khác nữa?*

3. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo:

Em nêu được vai trò của tiền:

- Mua sắm vật dụng cần thiết
- Du lịch, giải trí
- Chăm sóc sức khỏe
- Giúp đỡ bạn gặp khó khăn
- ...

Hoạt động 3: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: Nêu được tầm quan trọng của đồng tiền.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS đọc câu chuyện *Quý trọng đồng tiền* trong SGK, trang 50 – 51, sau đó mời HS trả lời câu hỏi:

– *Người con đã làm gì trong hai lần người cha gạt đồng tiền xuống đất? Vì sao cậu lại có hành động khác nhau như vậy?*

– *Theo em, vì sao phải quý trọng đồng tiền?*

2. Với mỗi câu hỏi, GV mời 1 – 2 HS trả lời và cho HS nhận xét lẫn nhau.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS và điều chỉnh những ý HS nêu chưa chính xác.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo:

Em hiểu được ý nghĩa của đồng tiền: Đồng tiền được làm ra nhờ sự lao động chăm chỉ, vất vả nên chúng ta cần phải quý trọng đồng tiền.

Hoạt động 4: Quan sát tranh, cho biết cách bảo quản và tiết kiệm tiền

a. Mục tiêu: Nhận biết được cách bảo quản và tiết kiệm tiền.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức lớp thành 2 đội lớn. Mỗi đội sẽ quan sát 2 bức tranh trang 51 – 52 SGK và trả lời câu hỏi: *Đâu là hành động bảo quản và tiết kiệm tiền?*

2. GV nhận xét các câu trả lời và dẫn dắt sang yêu cầu: *Kể thêm các cách bảo quản và tiết kiệm tiền.* GV yêu cầu mỗi đội thi đua nêu ý kiến và ghi ý kiến vào 2 sơ đồ tư duy được vẽ hoặc in sẵn dán trên bảng. Thời gian thực hiện từ 5 đến 7 phút.

3. GV yêu cầu các đội nhận xét lẫn nhau và khen thưởng kết quả thi đua của mỗi đội.

4. GV kết luận hoặc bổ sung thêm thông tin để giúp HS nhận biết vì sao cần phải bảo quản và tiết kiệm tiền.

Gợi ý: Bảo quản và tiết kiệm tiền bằng cách nhờ người lớn giữ giúp, nuôi lợn đất, tận dụng những đồ dùng đã cũ,...

LUYỆN TẬP

Hoạt động 5: Nhận xét các ý kiến

a. Mục tiêu: Nêu được vai trò của bảo quản và tiết kiệm tiền.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc thảo luận nhóm. Ví dụ, có thể tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi. GV yêu cầu mỗi nhóm đôi HS nhận xét các ý kiến khác nhau về việc bảo quản và tiết kiệm tiền. Để tạo hứng thú, GV có thể mở đồng hồ đếm ngược để HS tập trung công não.

2. GV mời đại diện 3 – 4 cặp HS phát biểu và nhận xét lẫn nhau. Để tạo bầu không khí sinh động cho lớp học, GV có thể cho thi đua 5 nhóm nộp kết quả thảo luận nhanh nhất lên bàn GV hoặc giơ tay nhanh để được GV thu sản phẩm (nếu thực hiện hình thức này, GV yêu cầu HS ghi ý kiến vào một tờ giấy).

3. GV nhận xét và khen ngợi sự tích cực của HS.

Gợi ý: GV bổ sung hoặc mở rộng thêm một số ý kiến về bảo quản và tiết kiệm tiền:

- Bảo quản và tiết kiệm tiền hiệu quả để thực hiện được mong muốn của mình.
- Tạo thói quen tiết kiệm để chi tiêu một cách hợp lí.

Hoạt động 6: Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm nào sau đây? Vì sao?

a. Mục tiêu: Đồng tình với những hành vi bảo quản và tiết kiệm tiền; không đồng tình với những hành vi tiêu tiền một cách lãng phí.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm. Với mỗi tình huống lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS giơ bảng (thẻ cảm xúc) vẽ mặt cười (thể hiện đồng tình) hoặc mặt buồn (thể hiện không đồng tình). GV cũng có thể linh hoạt sử dụng hình thức khác tùy điều kiện lớp học.

Tranh 1: Vẽ trên tiền (Không đồng tình).

Tranh 2: Đòi mua món đồ quá khả năng của bố mẹ (Không đồng tình).

Tranh 3: Tận dụng giấy trắng để làm vở nháp (Đồng tình).

Tranh 4: Lãng phí thức ăn (Không đồng tình).

Tranh 5: Tiết kiệm điện (Đồng tình).

Tranh 6: Tiết kiệm nước (Đồng tình).

2. Sau mỗi tình huống, GV nêu câu hỏi: *Vì sao em đồng tình?/ Vì sao em không đồng tình?* để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng tình huống. GV nhắc lại tình huống nhiều HS trả lời sai để điều chỉnh nhận thức và thái độ cho HS.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS và bổ sung thêm tình huống thường gặp ở địa phương để giúp HS bày tỏ rõ thái độ đồng tình hay không đồng tình. GV kết luận: *Các em cần nhắc nhở bản thân, người thân, bạn bè chi tiêu một cách tiết kiệm.*

Hoạt động 7: Đưa ra lời khuyên trong các tình huống

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để rèn luyện việc bảo quản và tiết kiệm tiền hợp lí.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS chia nhóm để thảo luận, đưa ra lời khuyên trong các tình huống.

2. GV mời HS nêu tình huống (trang 53 SGK) trước lớp trước khi thảo luận. Trong quá trình HS thảo luận nhóm, GV quan sát và hỗ trợ HS khi cần thiết.

3. GV mời từng nhóm lên trình bày và các nhóm còn lại nhận xét.

4. GV nhận xét và khen ngợi HS. GV điều chỉnh và nhấn mạnh lại nguyên tắc bảo quản và tiết kiệm tiền, nhắc nhở HS tuân thủ thường xuyên để trở thành thói quen.

Gợi ý:

Tình huống 1: Tiết kiệm thức ăn.

Tình huống 2: Tiết kiệm giấy.

Tình huống 3: Trân trọng và bảo quản đồ dùng.

Hoạt động 8: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để rèn luyện việc bảo quản và tiết kiệm tiền hợp lí.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS chia nhóm để thảo luận về cách xử lý tình huống, phân công vai diễn và diễn lại tình huống trước lớp. Tùy năng lực của HS, GV yêu cầu thời gian thảo luận và phân vai diễn cho hợp lí.

2. GV mời HS nêu tình huống (trang 54 SGK) trước lớp trước khi thảo luận. Trong quá trình HS thảo luận nhóm, sắm vai xử lý tình huống, GV quan sát và hỗ trợ HS khi cần thiết.

3. GV mời từng nhóm lên diễn và các nhóm còn lại nhận xét.

4. GV nhận xét và khen ngợi HS. GV điều chỉnh và nhấn mạnh lại nguyên tắc bảo quản và tiết kiệm tiền, nhắc nhở HS tuân thủ thường xuyên để trở thành thói quen.

Gợi ý:

Tình huống 1: Để dành một hộp bút màu hoặc tặng cho một bạn khác đang cần bút màu.

Tình huống 2: Trân trọng và biết hài lòng với những món đồ chơi mình đang có.

VẬN DỤNG

Hoạt động 9: Chia sẻ với các bạn về những việc em đã và sẽ làm để bảo quản, tiết kiệm tiền

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức, thái độ và luyện tập việc thực hiện bảo quản và tiết kiệm tiền phù hợp với lứa tuổi.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV giao cho HS nhiệm vụ rèn luyện việc thực hiện và nhắc nhở các bạn cùng bảo quản, tiết kiệm tiền, tiết kiệm thức ăn; mua quần áo, đồ dùng, đồ chơi, quà bánh,... đúng mức, phù hợp với hoàn cảnh gia đình.
2. Sau một vài tuần thực hiện, GV có thể tổ chức để HS chia sẻ về việc thực hiện việc bảo quản và tiết kiệm tiền. GV phối hợp cùng với phụ huynh để khuyến khích HS thực hiện. GV thường xuyên nhắc nhở HS thực hiện bảo quản và tiết kiệm tiền.
3. GV nhận xét và khen ngợi tinh thần quý trọng đồng tiền của HS.

Hoạt động 10: Lập và thực hiện kế hoạch tiết kiệm tiền

a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kỹ năng đã học, điều chỉnh được hành vi để bảo quản và tiết kiệm tiền một cách thường xuyên, liên tục.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn, giao nhiệm vụ cho HS lập kế hoạch tiết kiệm tiền và thực hiện theo mẫu gợi ý.
2. Sau một vài tuần thực hiện, GV tổ chức để HS chia sẻ về việc thực hiện kế hoạch tiết kiệm tiền phù hợp với điều kiện của mình. GV phối hợp cùng phụ huynh để khuyến khích HS thực hiện. GV thường xuyên nhắc nhở HS tiết kiệm tiền.
3. GV nhận xét và khen ngợi hành động tiết kiệm tiền của HS.

Hoạt động 11: Củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức, thái độ và luyện tập việc thực hiện tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng phù hợp với lứa tuổi.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV giao cho HS nhiệm vụ nhắc nhở các bạn cùng thực hiện việc bảo quản và tiết kiệm tiền.
2. GV tổ chức cho HS trao đổi và chia sẻ cảm xúc của mình.
3. GV nhận xét và khen ngợi tinh thần tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng của HS.

GỢI Ý ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP TRÊN LỚP
(Dùng cho giáo viên đánh giá)

Tiêu chí	Mức độ		
	<i>Không hoàn thành</i>	<i>Hoàn thành</i>	<i>Hoàn thành tốt</i>
1. Nêu được vai trò của tiền	Không nêu được hoặc chỉ nêu được một vai trò.	Nêu được từ 2 đến 3 vai trò.	Nêu được trên 3 vai trò.
2. Biết vì sao phải quý trọng đồng tiền	Không nêu được ý nghĩa nào.	Nêu được từ 1 đến 2 ý nghĩa.	Nêu được trên 2 ý nghĩa.
3. Biết bảo quản và tiết kiệm tiền; mua sắm quần áo, đồ dùng, đồ chơi, quà bánh,... đúng mức, phù hợp với hoàn cảnh gia đình.	Không biết bảo quản và tiết kiệm tiền.	Thỉnh thoảng biết bảo quản và tiết kiệm tiền.	Biết bảo quản và tiết kiệm tiền một cách thường xuyên liên tục.
4. Nhắc nhở bạn bè chi tiêu tiết kiệm.	Không chủ động; thỉnh thoảng tiết kiệm tiền; còn vi phạm.	Chủ động thực hiện và thường xuyên tiết kiệm tiền nhưng chưa nhắc nhở được bạn bè cùng thực hiện.	Chủ động thực hiện và thường xuyên tiết kiệm tiền; nhắc nhở bạn bè cùng thực hiện.

GỢI Ý THU PHỐI HỢP VỚI PHỤ HUYNH TRONG GIÁO DỤC HỌC SINH VỀ QUÝ TRỌNG ĐỒNG TIỀN

Phụ huynh kính mến!

Giáo dục con trẻ biết quý trọng đồng tiền là điều quan trọng để hình thành và phát triển phẩm chất trách nhiệm với chính cuộc sống của mình và với gia đình, xã hội. Quý trọng đồng tiền không chỉ giúp con hình thành được kĩ năng chi tiêu tiết kiệm mà còn biết trân quý sức lao động của gia đình và trân quý sức lao động của chính mình. Quý trọng đồng tiền cũng là những biểu hiện đầu tiên để hướng đến năng lực của một người công dân toàn cầu, đó là quản lí tài chính, tư duy về khởi nghiệp. Để các con hình thành những năng lực tuyệt vời đó, trọng trách của người lớn là cần đặt những viên gạch đầu tiên về giá trị và hành vi đạo đức cho các con. Trong hành trình này rất cần sự phối hợp của quý phụ huynh. Mong quý phụ huynh luôn đồng hành cùng giáo viên chủ nhiệm để rèn luyện cho con bài học về quý trọng đồng tiền, cụ thể như:

– Chia sẻ lại cho con biết về vai trò của đồng tiền và lí do vì sao cần phải biết quý trọng đồng tiền.

– Thường xuyên hướng dẫn và nhắc nhở con về việc bảo quản và tiết kiệm tiền; mua sắm quần áo, đồ dùng, đồ chơi, quà bánh,... đúng mức, phù hợp với hoàn cảnh gia đình của mình.

Mong phụ huynh là tấm gương sáng cho con về bài học quý trọng đồng tiền, bởi đây là phương pháp giáo dục hiệu quả nhất gắn với sự phát triển tâm lí của học sinh lớp 4. Trong quá trình hướng dẫn và nhắc nhở, rèn luyện cùng con bài học quý trọng đồng tiền, nếu phụ huynh gặp bất kì khó khăn nào thì giáo viên chủ nhiệm luôn sẵn sàng tư vấn và hỗ trợ, tất cả cùng hướng tới sự tiến bộ của học sinh.

Kính chúc quý phụ huynh nhiều sức khỏe và thành công!

Trân trọng cảm ơn.

Giáo viên chủ nhiệm

**GỢI Ý PHIẾU RÈN LUYỆN
LẬP KẾ HOẠCH BẢO QUẢN, TIẾT KIỆM TIỀN**

Họ tên học sinh:.....

Lớp:.....

1. Em hãy lập và thực hiện kế hoạch tiết kiệm tiền:

KẾ HOẠCH TIẾT KIỆM TIỀN		
Thời gian thực hiện	Cách tiết kiệm tiền	Kết quả
.....		
.....		
.....		
.....		

Học sinh tự đánh giá về kết quả thực hiện tiết kiệm tiền:

* Những điều đã thực hiện tốt là:

.....

* Những điều chưa thực hiện tốt, cần cố gắng là:

.....

2. Ý kiến của phụ huynh về kết quả rèn luyện của học sinh

😊 Lời khen về những điều con làm được:

😞 Lời góp ý để cho con cải thiện những điều chưa làm được:

3. Nhận xét của giáo viên chủ nhiệm

.....

.....

.....

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập: PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:

Phó Tổng biên tập NGUYỄN VĂN TÙNG

Giám đốc Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định TRẦN THỊ KIM NHUNG

Biên tập nội dung: VŨ TRỌNG THANH

Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG

Biên tập kỹ – mỹ thuật: BÙI XUÂN DƯƠNG

Sửa bản in: VŨ TRỌNG THANH

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.**

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định

**Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Đạo đức lớp 4 –
Bộ sách Chân trời sáng tạo
(Tài liệu lưu hành nội bộ)**

Mã số:

Số ĐKXB:

Mã ISBN:

Số QĐXB : / QĐ-GD ngày tháng ... năm 202...

Inbản (QĐ in số :), khổ 19 x 26.5 cm

In tại:.....Địa chỉ:.....

Cơ sở in:.....Địa chỉ:.....

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 202...



TRẦN TRỌNG GIỚI THIẾT

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN,
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
môn**

ĐẠO ĐỨC

BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

LỚP 4

Sách không bán